

## CHƯƠNG 1 + 2: THỊ TRƯỜNG CUNG CẦU

Question 1. Ví dụ nào sau đây thuộc kinh tế học thực chứng?

- a. phải giảm lãi suất để kích thích đầu tư
- b. **tỉ lệ lãi suất tiết kiệm là quá thấp**
- c. tỉ lệ lãi suất thấp sẽ kích thích đầu tư
- d. thuế của nhà nước là quá cao

Question 2. Trong kinh tế học, một nền kinh tế đóng là nền kinh tế

- a. có sự tự do kinh tế
- b. **không có mối quan hệ với các nền kinh tế khác**
- c. có rất ít sự tự do kinh tế
- d. có rất ít sự giao lưu kinh tế với các yếu tố bên ngoài

Question 3. Nền kinh tế Việt Nam là:

- a. Nền kinh tế mệnh lệnh
- b. **Nền kinh tế hỗn hợp**
- c. Nền kinh tế thị trường
- d. Nền kinh tế đóng cửa

Question 4. Trong thực tế nhu cầu con người không được thỏa mãn đầy đủ với nguồn lực hiện có được gọi là:

- a. Chi phí cơ hội
- b. Sản xuất cái gì
- c. **Khan hiếm**
- d. Kinh tế chuẩn tắc

Question 5. Sự lựa chọn của các cá nhân và các hãng bị giới hạn bởi

- a. ràng buộc ngân sách
- b. ràng buộc thời gian
- c. khả năng sản xuất
- d. **ràng buộc thời gian, khả năng sản xuất và ràng buộc ngân sách.**

Question 6. Đường cung của sản phẩm X dịch chuyển do:

- a. Giá sản phẩm thay thế giảm.
- b. Thuế thay đổi.
- c. Thu nhập tiêu dùng thay đổi
- d. **Giá sản phẩm X thay đổi.**

Question 7. Đường cầu sản phẩm X dịch chuyển khi:

- a. **Cả 3 câu còn lại đều đúng.**
- b. Giá sản phẩm X thay đổi
- c. Chi phí sản xuất sản phẩm X thay đổi.
- d. Thu nhập của người tiêu thụ thay đổi.

Question 8. Khi thu nhập giảm, các yếu tố khác không đổi giá cả và lượng cân bằng mới của hàng hoá thông thường sẽ:

- a. Không thay đổi.
- b. Giá cao hơn và lượng cân bằng nhỏ hơn.
- c. **Giá thấp hơn và lượng cân bằng nhỏ hơn.**
- d. Giá thấp hơn và lượng cân bằng lớn hơn.

Question 9. Đường cầu theo giá của bột giặt OMO chuyển dịch sang phải là do:

- a. **Giá bột giặt OMO giảm.**
- b. Giá các loại bột giặt khác tăng.
- c. Giá hoá chất nguyên liệu giảm
- d. Giá của các loại bột giặt khác giảm

Question 10. Nhân tố nào sau đây làm dịch chuyển đường cầu của máy ảnh sang phải:

- a. **Giá máy ảnh giảm.**
- b. Giá phim tăng
- c. Thu nhập dân chúng tăng.
- d. Chính phủ đánh thuế vào ngành kinh doanh máy ảnh.

**Question 11.** Biểu số liệu dưới đây là kết quả tính toán của bộ phận nghiên cứu thị trường của hãng X: % Biến đổi của cầu Giá tăng 1% X Y Z X -2 +0,8 +2,4 Y +0,5 -0,6 -1,6 Z +1,2 -1,5 -3 Những hệ số nào là hệ số co giãn của cầu theo giá của X,Y,Z

- a. +1,2; -0,6; +2,4
- b. -2; +0,5; +1,2
- c. -2; -0,6; -3
- d. -2; +0,8; +2,4

Question 12. Thị trường sản phẩm X có hàm số cung và cầu có dạng:  $P = 60 - 1/3 Q_D$   $P = 1/2 Q_S - 15$  Giả sử chính phủ đánh thuế làm giảm sản lượng cân bằng xuống và bằng 84. Xác định mức thuế chính phủ đánh vào mỗi sản phẩm:

- a.  $t = 4/sp$
- b.  **$t = 5/sp$**
- c.  $t = 10/sp$
- d.  $t = 3/sp$

Question 13. Cầu thị trường máy tính là  $P = 1000 - Q$ . Cung thị trường máy tính cố định ở mức 500 đơn vị. Chính phủ đặt giá trần là 400 thì giá và sản lượng cân bằng của thị trường là bao nhiêu?

- a.  $P = 500$ ,  $Q = 500$
- b.  $P = 400$ ,  $Q = 550$
- c.  **$P = 400$ ,  $Q = 500$**
- d.  $P = 500$ ,  $Q = 550$

Question 14. Hàm số cung và cầu sản phẩm X có dạng:  $P = QS + 5$  và  $P = -1/2 Q_D + 20$ . Giá cân bằng và sản lượng cân bằng là:

- a.  **$Q = 10$  và  $P = 15$**
- b.  $Q = 5$  và  $P = 10$
- c.  $Q = 20$  và  $P = 10$
- d.  $Q = 8$  và  $P = 16$

Question 15. Khi giá hàng Y:  $P_Y = 4$  thì lượng cầu hàng X:  $Q_X = 10$  và khi  $P_Y = 6$  thì  $Q_X = 12$ , với các yếu tố khác không đổi kết luận X và Y là 2 sản phẩm

- a. Bổ sung nhau
- b. Thay thế cho nhau
- c. **Không liên quan.**
- d. Vừa thay thế, vừa bổ sung

**Question 16.** Các kết hợp hàng hóa nằm phía trong đường giới hạn khả năng sản xuất là:

- a. Không có đáp án đúng
- b. Phân bổ không hiệu quả
- c. Tiêu dùng không hiệu quả
- d. **Sản xuất không hiệu quả**

**Question 17.** Khi chính phủ quyết định nguồn lực để xây dựng một bệnh viện, nguồn lực đó sẽ không còn để xây trường học. Ví dụ này minh họa khái niệm:

- a. Kinh tế vĩ mô
- b. **Chi phí cơ hội**
- c. Kinh tế đóng
- d. Cơ chế thị trường

**Question 18.** Trong nền kinh tế nào sau đây chính phủ giải quyết vấn đề sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai?

a. nền kinh tế chỉ huy

**c. nền kinh tế thị trường**

b. nền kinh tế hỗn hợp

d. nền kinh tế tập quán truyền thống

**Question 19.** Khái niệm kinh tế nào sau đây không thể lý giải được bằng đường giới hạn năng lực sản xuất:

a. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.

**c. Khái niệm cung cầu.**

b. Khái niệm chi phí cơ hội.

d. Ý tưởng về sự khan hiếm.

### CHƯƠNG 3: HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG

**Question 1.** Giả sử người tiêu dùng dành hết tiền tiền lương để mua hai hàng hóa X và Y. Nếu giá hàng hóa X và Y đều tăng lên gấp 2, đồng thời tiền lương cũng tăng lên gấp 2 thì đường ngân sách của người tiêu dùng sẽ:

☒

**a. Không thay đổi**

☐

b. Xoay quanh điểm cắt với trục tung sang phải

☐

c. Dịch chuyển song song sang trái

☐

d. Dịch chuyển song song sang phải

**Question 2.** Độ dốc của đường bàng quan phản ánh:

☒

**a. Tỷ lệ thay thế giữa 2 hàng hoá**

☐

b. Sự ưa thích là hoàn chỉnh

☐

c. Các trường hợp trên đều sai

☐

d. Sự ưa thích có tính bắc cầu

**Question 3.** Khi tổng dụng ích giảm, dụng ích biên:

☐

a. âm và giảm dần

☐

b. âm và tăng dần

☒

**c. dương và giảm dần**

☐

d. dương và tăng dần

**Question 4.** Dụng ích tăng thêm khi tiêu dùng thêm một đơn vị sản phẩm gọi là:

☒

**a. Dụng ích cận biên**

☐

b. Dụng ích bình quân

☐

c. Không có đáp án đúng

☐

d. Tổng dụng ích

**Question 5.** Khi giá của hàng hóa bình thường giảm, người tiêu dùng mua hàng hóa này nhiều hơn, đó là hệ quả của:

☐

a. Tác động thay thế hoặc tác động thu nhập

- ☐ b. Tác động thay thế và tác động thu nhập
- ☒ c. Tác động thay thế
- ☐ d. Tác động thu nhập

**Question 6.** Mối quan hệ giữa đường ngân sách và đường bàng quan tại điểm tiêu dùng tối ưu:

- ☐ a. Không có đáp án đúng
- ☐ b. Độ dốc đường ngân sách lớn hơn độ dốc đường bàng quan
- ☒ c. Độ dốc đường ngân sách bằng độ dốc đường bàng quan
- ☐ d. Độ dốc đường ngân sách nhỏ hơn độ dốc đường bàng quan

**Question 7.** Đường bàng quan là:

- ☐ a. Tất cả các đáp án còn lại đều đúng
- ☐ b. Sự sắp xếp các giỏ hàng được ưa thích
- ☐ c. Đường giới hạn khả năng tiêu dùng
- ☒ d. Tập hợp các giỏ hàng hóa mang lại cùng một mức thỏa mãn cho người tiêu dùng

**Question 8.** Dụng ích biên (MU) đo lường:

- ☐ a. Độ dốc của đường đẳng ích
- ☐ b. Độ dốc của đường ngân sách
- ☐ c. Mức thỏa mãn tăng thêm khi sử dụng thêm 1 đơn vị sản phẩm, trong khi các yếu tố khác không đổi
- ☒ d. Tỷ lệ thay thế biên

**Question 9.** Điểm phối hợp tiêu dùng tối ưu giữa 2 sản phẩm X và Y là:

- ☒ a. Tiếp điểm của đường bàng quan và đường ngân sách
- ☐ b. Tiếp điểm của đường đồng lượng và đường ngân sách
- ☐ c. Tiếp điểm của đường bàng quan và đường đồng phí
- ☐ d. Tiếp điểm của đường đồng lượng và đường đồng phí

**Question 10.** Khi thu nhập giảm đi 2 lần, giá của các loại hàng hóa cũng giảm đi 2 lần. Câu nào dưới đây vẫn đúng:

- ☐ a. Độ dốc đường ngân sách tăng lên
- ☐ b. Đường ngân sách dịch chuyển
- ☐ c. Độ dốc đường ngân sách giảm đi
- ☒ d. Điểm kết hợp tiêu dùng tối ưu vẫn giữ nguyên

**Question 11.** Đường ngân sách có dạng  $Y = 150 - 3X$ . Nếu  $P_y = 9$ ,  $P_x$  và  $I$  nào dưới đây phù hợp:

- ☐ a.  $P_x = 30, I = 2000$
- ☒ b.  $P_x = 27, I = 1350$
- ☐ c.  $P_x = 20, I = 1350$
- ☐ d.  $P_x = 5, I = 150$

**Question 12.** Một người tiêu dùng có thu nhập  $I = 300$ , chi tiêu hết cho 2 sản phẩm  $X$  và  $Y$  với  $P_x = 10\text{đ/sp}$ ;  $P_y = 40\text{đ/sp}$ . Hàm tổng dụng ích thể hiện qua hàm  $TU = (X - 4) \cdot Y$ . Tổng dụng ích tối đa là:

- ☒ a.  $TU = 42,25$
- ☐ b.  $TU = 45,25$
- ☐ c.  $TU = 45,5$
- ☐ d.  $TU = 55,5$

**Question 13.** Một người tiêu thụ có thu nhập  $I = 1200\text{đ}$  dùng để mua 2 sản phẩm  $X$  và  $Y$  với  $P_x = 100\text{đ/sp}$ ;  $P_y = 300\text{đ/sp}$ . Mức thoả mãn của người tiêu dùng được thể hiện qua hàm số:

$$TU_x = (-1/3) \cdot X^2 + 10 \cdot X; TU_y = (-1/2) \cdot Y^2 + 20 \cdot Y$$

Tổng dụng ích tối đa đạt được:

- ☒ a.  $TU_{\max} = 86$
- ☐ b.  $TU_{\max} = 82$
- ☐ c.  $TU_{\max} = 96$
- ☐ d.  $TU_{\max} = 76$

**Question 14.** Nếu  $MUA = 1/Q_A$ ;  $MUB = 1/Q_B$ , giá của  $A$  là  $50\text{đ/sp}$ , giá của  $B$  là  $400\text{đ/sp}$  và thu nhập của người tiêu dùng là  $12.000\text{đ}$ . Để tối đa hoá thoả mãn, người tiêu dùng sẽ mua mỗi loại hàng hoá bao nhiêu?

- ☐ a. Không có đáp án đúng
- ☐ b.  $A = 48, B = 24$
- ☐ c.  $A = 24, B = 27$
- ☒ d.  $A = 120, B = 15$

**Question 15.** Một người tiêu dùng có thu nhập là  $1,5$  triệu/tháng để mua hai hàng hóa  $X$  và  $Y$ . Giá của hàng hóa  $X$  là  $15.000\text{đồng/kg}$  và hàng hóa  $Y$  là  $5.000\text{đồng/kg}$ .

Hàm tổng dụng ích được cho bởi  $TU = 2 \cdot X \cdot Y$ .

Nếu thu nhập của người tiêu dùng tăng lên gấp đôi thì kết hợp tiêu dùng tối ưu mới là:

- ☐ a.  $X = 90, Y = 250$

- ☐ b.  $X = 120, Y = 280$
- ☐ c.  $X = 85, Y = 200$
- ☒ d.  $X = 100, Y = 300$

**Question 16.** Tỷ lệ thay thế biên giữa 2 sản phẩm X và Y ( $MRS_{y,x}$ ) thể hiện:

- ☒ a. Tỷ giá giữa 2 sản phẩm
- ☐ b. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng mức thoả mãn không đổi
- ☐ c. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trên thị trường
- ☐ d. Tỷ lệ năng suất biên giữa 2 sản phẩm

**Question 17.** Để tối đa hoá lợi ích với thu nhập cho trước. Người tiêu dùng phân phối các sản phẩm theo nguyên tắc:

- ☐ a. Lợi ích biên các sản phẩm phải bằng nhau:  $MU_x = MU_y = \dots$
- ☐ b. Phần chi tiêu cho mỗi sản phẩm là bằng nhau
- ☐ c. Ưu tiên mua các sản phẩm có mức giá tương đối rẻ
- ☒ d. Lợi ích biên trên một đơn vị tiền tệ của các sản phẩm bằng nhau:  $MU_x/P_x = MU_y/P_y = MU_z/P_z = \dots$

**Question 18.** Theo qui luật dụng ích cận biên giảm dần, khi tiêu dùng thêm nhiều đơn vị hàng hóa cùng loại thì tổng dụng ích:

- ☐ a. Giảm với tốc độ giảm dần
- ☐ b. Giảm và cuối cùng là tăng lên
- ☐ c. Giảm với tốc độ tăng dần
- ☒ d. Tăng với tốc độ giảm dần

**Question 19.** Nếu thu nhập tăng, đường ngân sách sẽ:

- ☐ a. Dốc hơn
- ☐ b. Dịch chuyển sang trái và dốc hơn
- ☒ c. Dịch chuyển sang phải và song song với đường ngân sách cũ
- ☐ d. Dịch chuyển sang trái và song song với đường ngân sách cũ

**Question 20.** Tổng dụng ích luôn:

- ☐ a. Giảm khi dụng ích cận biên giảm
- ☐ b. Nhỏ hơn dụng ích cận biên
- ☒ c. Tăng khi dụng ích cận biên dương

- ☐ d. Giảm khi dụng ích cận biên tăng

**Question 21.** Mục tiêu của người tiêu dùng là:

- ☐ a. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng  
☐ b. Tối đa hóa chi tiêu  
☐ c. Tối thiểu hóa chi phí  
☒ d. Tối đa hóa lợi ích

**Question 22.** Độ dốc của đường bàng quan được gọi là:

- ☐ a. Xu hướng cận biên trong sản xuất  
☐ b. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên  
☐ c. Xu hướng cận biên trong tiêu dùng  
☒ d. Tỷ lệ thay thế cận biên

**Question 23.** Đường ngân sách phụ thuộc vào

- ☐ a. Thu nhập  
☐ b. Giá của các hàng hóa  
☐ c. Không có đáp án đúng  
☒ d. Thu nhập và giá của các hàng hóa

**Question 24.** Gọi  $MU_x$  và  $MU_y$  là lợi ích cận biên của hàng hóa X và Y;  $P_x$  và  $P_y$  là giá của hai loại hàng hóa đó. Công thức nào dưới đây thể hiện tại điểm cân bằng:

- ☐ a.  $MU_x = MU_y$  và  $P_x = P_y$   
☒ b.  $MU_x/MU_y = P_x/P_y$   
☐ c.  $MU_x = MU_y$   
☐ d.  $MU_x/MU_y = P_y/P_x$

**Question 25.** Một người tiêu dùng có thu nhập  $I = 300$ , chi tiêu hết cho 2 sản phẩm X và Y với  $P_x = 10đ/sp$ ;  $P_y = 40đ/sp$ . Hàm tổng dụng ích thể hiện qua hàm  $TU = (X - 4) \cdot Y$ . Phương án tiêu dùng tối ưu là:

- ☒ a.  $X = 17$  và  $Y = 3,25$   
☐ b.  $X = 13$  và  $Y = 2,25$   
☐ c.  $X = 12$  và  $Y = 2,5$   
☐ d.  $X = 3,25$  và  $Y = 17$

**Question 26.** Một người tiêu thụ có thu nhập  $I = 1200$ đ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với  $P_x = 100$ đ/sp;  $P_y = 300$ đ/sp. Mức thoả mãn được thể hiện qua hàm số:  $TU_x = -1/3X^2 + 10X$ ;  $TU_y = -1/2Y^2 + 20Y$ . Lợi ích biên của 2 sản phẩm là:

- ☐ a.  $MU_x = 2/3X + 10$ ;  $MU_y = -Y + 20$
- ☐ b. Không có đáp án đúng
- ☐ c.  $MU_x = -1/3X + 10$ ;  $MU_y = -1/2Y + 20$
- ☒ d.  $MU_x = -2/3X + 10$ ;  $MU_y = -Y + 20$

**Question 27.** Đường ngân sách có dạng  $Y = 100 - 2X$ . Nếu  $P_y = 10$ ,  $P_x$  và  $I$  nào dưới đây phù hợp:

- ☐ a.  $P_x = 20$ ,  $I = 2000$
- ☒ b.  $P_x = 20$ ,  $I = 1000$
- ☐ c.  $P_x = 10$ ,  $I = 2000$
- ☐ d.  $P_x = 5$ ,  $I = 100$

**Question 28.** Với hàm tổng dụng ích  $TU = (X - 2) \cdot Y$  và phương án tiêu dùng tối ưu là  $X = 22$ ,  $Y = 5$ . Vậy tổng dụng ích:

- ☒ a.  $TU = 100$
- ☐ b.  $TU = 64$
- ☐ c.  $TU = 90$
- ☐ d.  $TU = 96$

**Question 29.** Để xác định điểm tiêu dùng tối ưu, người ta cần biết:

- ☐ a. Tổng lợi ích và thu nhập
- ☒ b. Giá của hàng hóa và lợi ích cận biên của hàng hóa
- ☐ c. Giá của hàng hóa và thu nhập
- ☐ d. Tổng lợi ích và lợi ích cận biên của hàng hóa

**Question 30.** Tỷ lệ thay thế biên giữa 2 sản phẩm X và Y ( $MRS_{y,x}$ ) thể hiện:

- ☐ a. Tỷ giá giữa 2 sản phẩm
- ☒ b. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trên thị trường
- ☐ c. Tỷ lệ năng suất biên giữa 2 sản phẩm
- ☐ d. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng mức thoả mãn không đổi



**Question 31.** Cô Hoa tiêu dùng cả thịt lợn và thịt bò. Khi thu nhập của cô Hoa tăng lên, cô ta mua cả hai loại này với số lượng nhiều hơn. Tuy nhiên, lượng thịt bò mua thêm nhiều hơn thịt lợn. Điều nào dưới đây là đúng:

- ☐ a. Cả thịt lợn và thịt bò đều là hàng hóa xa xỉ
- ☐ b. Thịt bò là hàng hóa xa xỉ còn thịt lợn là hàng hóa thông thường
- ☒ c. Cả thịt lợn và thịt bò đều là hàng hóa thông thường
- ☐ d. Thịt bò là hàng hóa thông thường còn thịt lợn là hàng hóa thứ cấp

**Question 32.** Khi số lượng hàng hóa tiêu dùng tăng lên thì

- ☐ a. Tổng dụng ích giảm đi
- ☐ b. Tổng dụng ích không đổi
- ☒ c. Dụng ích cận biên giảm đi
- ☐ d. Dụng ích cận biên tăng lên

**Question 33.** Tất cả các điểm nằm trên một đường bàng quan có điểm chung là:

- ☐ a. Chi tiêu cho hai loại hàng hóa bằng nhau
- ☒ b. Tổng dụng ích của các giỏ hàng hóa đó bằng nhau
- ☐ c. Tỷ lệ thay thế cận biên giữa các giỏ hàng hóa bằng nhau
- ☐ d. Số lượng hai loại hàng hóa bằng nhau

**Question 34.** Hai hàng hóa được gọi là thay thế hoàn hảo nếu:

- ☐ a. Đường bàng quan có hình chữ L
- ☒ b. Đường bàng quan là đường thẳng đứng
- ☐ c. Đường bàng quan là đường thẳng dốc xuống từ trái qua phải
- ☐ d. Đường bàng quan là đường cong

## Chương 4: Lý Thuyết Sản Xuất

Question 1. Phát biểu nào dưới đây là sai:

- ☐ a. Chi phí cận biên là sự gia tăng tổng chi phí khi sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm
- ☐ b. Tổng chi phí bình quân bằng chi phí cố định bình quân cộng chi phí biến đổi bình quân
- ☐ c. Tổng chi phí bình quân là tổng chi phí trên một đơn vị sản phẩm
- ☒ d. Tổng chi phí bằng chi phí cố định cộng chi phí biến đổi

Question 2. Một đường đồng lượng cho biết:

- ☐ a. Các kết hợp vốn và lao động khác nhau để sản xuất sản lượng đầu ra càng tăng
- ☐ b. Các kết hợp vốn và lao động khác nhau để sản xuất sản lượng đầu ra càng giảm
- ☒ c. Các kết hợp vốn và lao động khác nhau để sản xuất sản lượng đầu ra cố định
- ☐ d. Tất cả các đáp án còn lại đều sai.

Question 3. Hàm sản xuất ngắn hạn của một hãng mô tả:

- ☒ a. Sản lượng đầu ra thay đổi như thế nào khi qui mô sản xuất không đổi và lượng lao động thay đổi
- ☐ b. Sản lượng đầu ra thay đổi như thế nào khi qui mô sản xuất thay đổi và lượng lao động không đổi
- ☐ c. Không có đáp án đúng.
- ☐ d. Chi phí tối thiểu để sản xuất một lượng đầu ra nhất định

Question 4. Doanh thu biên được xác định bởi:

Select one:

- ☒ a.  $\Delta TR / \Delta Q$
- ☐ b. TR
- ☐ c.  $TR / Q$
- ☐ d.  $TR / \Delta Q$

Question 5. Khi giá các yếu tố sản xuất đồng loạt tăng lên sẽ làm:

Select one:

- ☐ a. Các đường AC vẫn giữ nguyên vị trí cũ
- ☒ b. Dịch chuyển đường chi phí trung bình lên trên
- ☐ c. Các đường AVC dịch chuyển sang phải
- ☐ d. Dịch chuyển đường AC xuống dưới

Question 6. Chi phí cận biên là:

- ☐ a. Sự gia tăng của chi phí chia cho sự gia tăng của lao động

- ☐ b. Chênh lệch giữa chi phí cố định và chi phí biến đổi
- ☒ c. Sự gia tăng của chi phí chia cho sự gia tăng của sản lượng
- ☐ d. Tổng chi phí chia cho tổng sản lượng

**Question 7.** Trong ngắn hạn, khi sản lượng tăng, chi phí biên (MC) tăng dần và chi phí biến đổi bình quân (AVC) giảm dần là do:

Select one:

- ☐ a.  $MC < AC$
- ☐ b.  $MC > AVC$
- ☐ c.  $MC < AFC$
- ☒ d.  $MC < AVC$

**Question 8.** Chi phí cố định là:

- ☐ a. Chi phí tăng lên khi tăng mức sản lượng
- ☐ b. Các đáp án còn lại đều sai.
- ☒ c. Chi phí không đổi khi tăng hoặc giảm mức sản lượng
- ☐ d. Chi phí giảm đi khi giảm mức sản lượng

**Question 9.** Đường đồng phí chỉ ra các kết hợp vốn và lao động có thể mua được:

- ☐ a. Để tối đa hóa lợi nhuận
- ☐ b. Để sản xuất với một mức sản lượng nhất định
- ☒ c. Với tổng chi phí cố định
- ☐ d. Để tối thiểu hóa chi phí

**Question 10.** Nếu MC nằm trên đường AVC thì khi tăng sản lượng dẫn đến:

- ☐ a. AVC giảm xuống
- ☐ b. AFC tăng lên
- ☒ c. AVC tăng lên
- ☐ d. ATC không đổi

**Question 11.** Hàm sản xuất có dạng  $Q=100 \cdot K \cdot L$ . Nếu giá vốn là 120.000 đồng và giá lao động là 30.000 đồng thì chi phí tối thiểu để sản xuất 10.000 sản phẩm bằng:

- ☐ a. 1.500.000 đồng
- ☐ b. 1.800.000 đồng
- ☐ c. Không có đáp án đúng
- ☒ d. 1.200.000 đồng

**Question 12.** Giả sử năng suất trung bình của 5 người công nhân là 12. Nếu năng suất biên của người công nhân thứ 6 là 18 thì năng suất trung bình của 6 công nhân bằng:

- ☐ a. 12
- ☐ b. 16
- ☒ c. 13
- ☐ d. 14

**Question 13.** Hàm sản xuất được cho bởi:  $Q = 0,5 \cdot K \cdot K + L \cdot L + 3 \cdot K \cdot L + 4 \cdot K - 2 \cdot L$ . Hàm năng suất biên của các yếu tố K và L là:

- ☐ a. Không có đáp án đúng
- ☐ b.  $MPK = K + 4$   $MPL = 2 \cdot L - 2$
- ☐ c.  $MPK = 0,5 \cdot K + 3 \cdot L + 4$   $MPL = L + 3 \cdot K - 2$
- ☒ d.  $MPK = K + 3 \cdot L + 4$   $MPL = 2 \cdot L + 3 \cdot K - 2$

**Question 14.** Nếu tổng chi phí của việc sản xuất 6 đơn vị hàng hóa là 48 và chi phí cận biên của đơn vị hàng hóa thứ 7 là 15 thì:

- ☐ a. Chi phí biến đổi trung bình của 7 đơn vị hàng hóa là 9
- ☒ b. Chi phí trung bình của 7 đơn vị hàng hóa là 9
- ☐ c. Chi phí cố định là 8
- ☐ d. Chi phí cố định là 33

**Question 15.** Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là:  $Q = L \cdot L + K \cdot K - K \cdot L$  (Q là sản lượng; L là số lao động; K là số vốn). Giá các yếu tố đầu vào  $PK=20$ ;  $PL=10$ . Chi phí sản xuất không đổi  $TC=140$ . Phương án sản xuất tối ưu:

- ☐ a.  $K=3$ ;  $L=4$
- ☒ b.  $K=5$ ;  $L=4$
- ☐ c.  $L=3,57$ ;  $K=2,857$
- ☐ d.  $K=3,57$ ;  $L=2,857$

**Question 16.** Nếu hàm sản xuất có dạng  $Q = 0,5 \cdot (K^{0,2}) \cdot (L^{0,5})$ . Khi gia tăng các yếu tố đầu vào cùng tỷ lệ thì:

- ☒ a. Năng suất giảm theo quy mô
- ☐ b. Năng suất không đổi theo quy mô
- ☐ c. Không có đáp án đúng.
- ☐ d. Năng suất tăng theo quy mô

**Question 18.** Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên (MRTS) thể hiện:

- ☐ a. Độ dốc đường đồng phí

- ☒ b. Độ dốc đường đồng lượng
- ☐ c. Độ dốc đường ngân sách
- ☐ d. Độ dốc đường tổng sản lượng
- Question 19.** Đường đồng lượng biểu thị:
- ☐ a. Các mức sản lượng như nhau với những mức chi phí như nhau.
- ☐ b. Các mức sản lượng như nhau với những phối hợp bằng nhau về 2 YTSX biến đổi
- ☐ c. Các mức sản lượng khác nhau với những mức chi tiêu khác nhau về 2 YTSX biến đổi
- ☒ d. các mức sản lượng như nhau với những phối hợp khác nhau về 2 YTSX biến đổi
- Question 20.** Theo nguyên lý thay thế cận biên thì
- ☐ a. Giảm giá một yếu tố dẫn đến hãng thay thế nó bằng các yếu tố khác
- ☐ b. Nếu hãng không biết đường chi phí cận biên của mình thì có thể thay thế bằng đường chi phí trung bình.
- ☐ c. Chi phí cận biên bằng chi phí trung bình ở mức tối thiểu của chi phí trung bình
- ☒ d. Tăng giá một yếu tố dẫn đến hãng thay thế nó bằng các yếu tố khác
- Question 21.** Trong ngắn hạn doanh nghiệp sẽ đóng cửa sản xuất khi:
- ☐ a. Doanh thu không đủ bù đắp chi phí biến đổi bình quân
- ☐ b. Bắt đầu bị lỗ
- ☒ c. Giá bán sản phẩm không đủ bù đắp chi phí biến đổi bình quân
- ☐ d. Giá bán sản phẩm không đủ bù đắp chi phí bình quân
- Question 22.** Câu nào hàm ý hiệu suất giảm dần:
- ☐ a. Khi tất cả các yếu tố tăng gấp đôi, sản lượng tăng nhiều hơn hai lần
- ☒ b. Khi tất cả các yếu tố tăng gấp đôi thì sản lượng tăng ít hơn hai lần
- ☐ c. Khi một yếu tố tăng thì sản phẩm tăng thêm tính trên đơn vị yếu tố bổ sung giảm xuống
- ☐ d. Khi một yếu tố tăng gấp đôi thì sản lượng tăng nhiều hơn hai lần
- Question 23.** Để tối đa hóa doanh thu, doanh nghiệp phải:
- ☐ a. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó  $MC = MR$
- ☐ b. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó  $MC = ATC_{min}$
- ☒ c. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó  $MR=0$
- ☐ d. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó  $MC = P$
- Question 24.** Trong kinh tế học về hãng, ngắn hạn được định nghĩa là khoảng thời gian chỉ đủ để:
- ☐ a. Thu thập số liệu về chi phí và về sản xuất

- ☐ b. Thu thập số liệu về chi phí chứ không phải về sản xuất
- ☐ c. Thay đổi sản lượng và công suất nhà máy
- ☒ d. Thay đổi sản lượng chứ không phải công suất nhà máy

**Question 25.** Các yếu tố sản xuất cố định là:

- ☒ a. Các yếu tố không phụ thuộc vào mức sản lượng.
- ☐ b. Các yếu tố không thể di chuyển được.
- ☐ c. Các yếu tố có thể mua chỉ ở giá cố định
- ☐ d. Các yếu tố có thể mua chỉ ở một con số cố định

**Question 26.** Hàm sản xuất được cho bởi:  $Q = 3 \cdot K \cdot (L - 2)$ . Hàm năng suất biên của các yếu tố K và L là:

- ☒ a.  $MPK = 3 \cdot L - 6$ ;  $MPL = 3 \cdot K$
- ☐ b.  $MPK = 3 \cdot K$ ;  $MPL = L - 2$
- ☐ c. Không có đáp án đúng
- ☐ d.  $MPK = L - 2$ ;  $MPL = 3 \cdot K$

**Question 28.** Một doanh nghiệp có công suất thiết kế là 20.000 sản phẩm/năm. Hiện tại doanh nghiệp đang sản xuất ở mức 10.000 sản phẩm/năm.  $AVC = 15.000$  đồng/sản phẩm,  $FC = 60$  triệu đồng. Chi phí bình quân cho một đơn vị sản phẩm là:

- ☐ a. 20.000 đồng
- ☒ b. 21.000 đồng
- ☐ c. 18.000 đồng
- ☐ d. 25.000 đồng

**Question 29.** Một nhà sản xuất cần 2 yếu tố K và L để sản xuất sản phẩm X. Biết người này đã chi ra một khoản tiền là  $TC=300$  để mua 2 yếu tố này với giá tương ứng  $PK=10$ ;  $PL=20$ . Hàm sản xuất được cho bởi:  $Q=K \cdot (L-5)$ . Phương án sản xuất tối ưu là:

- ☐ a. Không có đáp án đúng.
- ☐ b.  $K=6$ ;  $L=12$
- ☒ c.  $K=10$ ;  $L=10$
- ☐ d.  $K=14$ ;  $L=8$

**Question 30.** Câu nào trong các câu sau không đúng ?

Select one:

- ☐ a. MC ở trên AC hàm ý MC đang tăng
- ☐ b. AC giảm hàm ý MC ở dưới AC.

- ☐ c. AC ở dưới MC hàm ý AC đang tăng
- ☒ d. MC tăng hàm ý AC tăng
- Question 31.** Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp phải:
- ☒ a. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó  $MC = MR$
- ☐ b. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó  $MC = ATC_{min}$
- ☐ c. Không có đáp án đúng.
- ☐ d. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó  $MC = P$
- Question 32.** Đường chi phí cận biên nằm trên đường chi phí trung bình thì:
- ☒ a. Đường chi phí trung bình dốc lên.
- ☐ b. Đường chi phí cận biên ở mức cực đại của nó
- ☐ c. Đường chi phí trung bình dốc xuống
- ☐ d. Đường chi phí trung bình ở mức tối thiểu của nó
- Question 33.** Năng suất bình quân của một đơn vị yếu tố sản xuất (YTSX) biến đổi là:
- ☐ a. Số lượng sản phẩm tăng thêm khi bỏ ra thêm 1 đồng chi phí sản xuất biến đổi
- ☐ b. Số lượng sản phẩm trung bình được tạo ra bởi 1 đơn vị YTSX biến đổi
- ☒ c. Số lượng sản phẩm tăng thêm khi sử dụng thêm một đơn vị YTSX biến đổi
- ☐ d. Không có đáp án đúng
- Question 34.** Chi phí cố định trung bình:
- ☐ a. Là cần thiết để xác định điểm đóng cửa.
- ☐ b. Là tối thiểu ở điểm tối đa hóa lợi nhuận.
- ☒ c. Luôn luôn dốc xuống về phía phải.
- ☐ d. Là tối thiểu ở điểm hòa vốn.
- Question 35.** Chi phí cố định:
- ☐ a. Là các chi phí gắn với các yếu tố cố định
- ☒ b. Là các chi phí gắn với các yếu tố cố định và không thay đổi theo mức sản lượng.
- ☐ c. Không thay đổi theo mức sản lượng
- ☐ d. Bao gồm những thanh toán trả cho một số yếu tố khả biến.
- Question 36.** Khi so sánh lợi nhuận kinh tế với lợi nhuận tính toán ta thấy:
- ☒ a. Lợi nhuận kinh tế thấp hơn do nó gồm nhiều chi phí hơn
- ☐ b. Lợi nhuận kinh tế cao hơn do nó gồm nhiều doanh thu hơn

- ☐ c. Lợi nhuận kinh tế thấp hơn do nó gồm nhiều doanh thu hơn
- ☐ d. Lợi nhuận kinh tế thấp hơn do nó gồm chi phí khấu hao

**Question 37.** Trong kinh tế học, ngắn hạn đề cập đến giai đoạn:

- ☐ a. Dưới một năm.
- ☐ b. Trong đó tất cả các yếu tố đầu vào đều biến đổi
- ☐ c. Trong đó tất cả các yếu tố đầu vào đều cố định
- ☒ d. Trong đó ít nhất có một yếu tố đầu vào cố định và ít nhất một yếu tố đầu vào biến đổi

**Question 38.** Số sản phẩm tăng thêm khi doanh nghiệp sử dụng thêm 1 đơn vị yếu tố đầu vào với các yếu tố khác không đổi gọi là:

- ☐ a. Dụng ích biên
- ☐ b. Doanh thu biên
- ☒ c. Năng suất biên
- ☐ d. Chi phí biên.

**Question 39.** Một nhà sản xuất cần 2 yếu tố K và L để sản xuất sản phẩm X. Biết người này đã chi ra một khoản tiền là  $TC=300$  để mua 2 yếu tố này với giá tương ứng  $PK=10$ ;  $PL=20$ . Hàm sản xuất được cho bởi:  $Q=K*(L-5)$ . Sản lượng tối ưu đạt được:

Select one:

- ☐ a.  $Q=42$
- ☐ b.  $Q=58$
- ☒ c.  $Q=50$
- ☐ d.  $Q=0$

**Question 40.** Giả sử mức sản phẩm biên của công nhân thứ nhất, thứ hai, thứ ba lần lượt là 10, 9 và 8. Tổng số sản phẩm khi thuê 3 công nhân bằng:

Select one:

- ☐ a. Tổng mức sản phẩm biên của 3 công nhân nhân với số lượng công nhân:  $(10+9+8) \times 3=81$
- ☐ b. Mức sản phẩm biên trung bình của 3 công nhân:  $(10+9+8)/3=9$
- ☒ c. Tổng sản phẩm biên của 3 công nhân  $=10+9+8=27$ .
- ☐ d. Mức sản phẩm biên của công nhân thứ 3 nhân với lượng công nhân:  $8 \times 3=24$

**Question 41.** Nếu sản xuất 19 đơn vị hàng hóa thì tổng chi phí là 228 và chi phí cận biên của đơn vị thứ 20 là 32 thì:

- ☐ a. Chi phí cố định là 196
- ☐ b. Chi phí cố định là 13
- ☒ c. Chi phí trung bình của 20 đơn vị hàng hóa là 13



☐ d. Chi phí biến đổi trung bình của 20 đơn vị hàng hóa bằng 13

**Question 42.** Một DN đầu tư chi phí  $TC=96$  để mua 2 yếu tố sản xuất K và L với  $PK=8$ ;  $PL=4$ . Năng suất biên (MP) của 2 yếu tố như sau: K MPK L MPL 4 8 5 5 5 7 6 4 6 6 7 3 7 5 8 2 8 4 9 1 Phối hợp 2 yếu tố K và L để tổng sản lượng cao nhất hay chi phí một đơn vị thấp nhất là:  
Select one:

☐ a.  $K=6$ ;  $L=6$

☐ b.  $K=4$ ;  $L=11$

☒ c.  $K=8$ ;  $L=8$

☐ d.  $K=8$ ;  $L=3$

**Question 43.** Các đường đồng lượng tương ứng với các mức sản lượng lớn hơn:

☐ a. Là một đường duy nhất

☐ b. Bằng nhau so với gốc tọa độ

☒ c. Càng xa gốc tọa độ hơn

☐ d. Càng gần gốc tọa độ hơn

**Question 44.** Với vốn biểu diễn trên trục tung và lao động biểu diễn trên trục hoành. Giả sử tại mức đầu vào hiện tại, tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên  $MRTS = -3$  thì:  
Select one:

☐ a. Nếu doanh nghiệp thuê thêm 1 đơn vị vốn thì có thể sản xuất thêm 3 đơn vị sản phẩm

☐ b. Nếu giảm 1 đơn vị vốn, doanh nghiệp có thể thuê thêm 3 đơn vị lao động mà sản lượng không đổi

☐ c. Nếu sử dụng thêm 3 đơn vị lao động, doanh nghiệp cần sử dụng thêm 3 đơn vị vốn

☒ d. Năng suất biên của lao động bằng 3 lần năng suất biên của vốn

**Question 45.** Chi phí biến đổi là:

☐ a. Tất cả các đáp án còn lại đều đúng.

☐ b. Chi phí trung bình tính cho một đơn vị sản phẩm

☒ c. Chi phí thay đổi khi thay đổi mức sản lượng

☐ d. Chi phí tăng lên khi tăng mức sản lượng

**Question 46.** Năng suất cận biên của một yếu tố sản xuất là:

☒ a. Số sản phẩm tăng thêm từ việc sử dụng thêm 1 đơn vị yếu tố sản xuất đó.

☐ b. Chi phí cần thiết để thuê thêm 1 đơn vị yếu tố sản xuất.

☐ c. Sản lượng chia cho số yếu tố sử dụng trong quá trình sản xuất.

☐ d. Chi phí của việc sản xuất thêm 1 đơn vị sản phẩm.

**Question 47.** Khi đường năng suất biên của lao động ( $MP_L$ ) nằm cao hơn đường năng suất bình quân của lao động ( $AP_L$ ) thì:

- ☐ a. Đường năng suất bình quân dốc xuống
- ☒ b. Đường năng suất bình quân dốc lên
- ☐ c. Đường năng suất biên dốc lên
- ☐ d. Cả 2 đường đều dốc lên

**Question 48.** Năng suất tăng theo quy mô có nghĩa là:

- ☐ a. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng ít hơn hai lần
- ☐ b. Quy luật hiệu suất giảm dần không đúng nữa.
- ☐ c. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng đúng gấp đôi
- ☒ d. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng nhiều hơn hai lần

**Question 48.** Câu nào dưới đây là đúng:

- ☐ a. Chi phí kinh tế nhỏ hơn chi phí kế toán và lợi nhuận kinh tế lớn hơn lợi nhuận kế toán
- ☐ b. Chi phí kinh tế lớn hơn chi phí kế toán và lợi nhuận kinh tế lớn hơn lợi nhuận kế toán
- ☐ c. Chi phí kinh tế nhỏ hơn chi phí kế toán.
- ☒ d. Chi phí kinh tế lớn hơn chi phí kế toán và lợi nhuận kinh tế nhỏ hơn lợi nhuận kế toán

**Question 49.** Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là:  $Q = L^2 + K^2 - K \cdot L$  ( $Q$  là sản lượng;  $L$  là số lao động;  $K$  là số vốn).

Giá các yếu tố đầu vào  $PK=20$ ;  $PL=10$ . Chi phí sản xuất không đổi  $TC=210$

Sản lượng tối ưu :

Select one:

- ☐ a.  $Q=11,71$
- ☐ b.  $Q=18,75$
- ☒ c.  $Q=47,25$
- ☐ d.  $Q=10,71$

**Question 50.** Hàm sản xuất được cho bởi:  $Q = L \cdot L + K \cdot K - K \cdot L$ . Hàm năng suất biên của các yếu tố  $K$  và  $L$  là:

- ☒ a.  $MPK = 2 \cdot K - L$   $MPL = 2 \cdot L - K$
- ☐ b.  $MPK = 2 \cdot K + L$   $MPL = 2 \cdot L + K$
- ☐ c. Không có đáp án đúng
- ☐ d.  $MPK = 2 \cdot K + L$   $MPL = 2 \cdot L + K$

**Question 51.** Hàm tổng chi phí ngắn hạn của một công ty được cho bởi phương trình:  $TC = 190 + 53Q$  ( đơn vị tính 10.000) Nếu sản xuất 100.000 đvsp, Chi phí cố định trung bình là:

Select one:

- ☐ a. Không có đáp án đúng
- ☒ b. 53
- ☐ c. 190
- ☐ d. 19

**Question 52.** Giả sử giá thuê lao động là 60.000 đồng/ngày, giá thuê máy móc là 120.000 đồng/ngày. Với tổng chi phí là 1,2 triệu đồng, kết hợp vốn và lao động nào hãng có thể thuê:

- ☐ a. 7 máy móc và 8 lao động
- ☒ b. 5 máy móc và 10 lao động
- ☐ c. 6 máy móc và 9 lao động
- ☐ d. 4 máy móc và 15 lao động

Feedback

The correct answer is: 5 máy móc và 10 lao động.

**Question 53.** Một nhà độc quyền sẽ tăng mức giá tối đa hóa lợi nhuận khi:

- ☐ a. Chi phí biến đổi giảm
- ☐ b. Tổng chi phí bình quân giảm
- ☒ c. Chi phí cận biên tăng
- ☐ d. Chi phí cố định bình quân tăng

**Question 54.** Nhà độc quyền thường thu lợi nhuận kinh tế dương vì:

- ☒ a. Các rào cản gia nhập ngăn chặn sự giảm giá
- ☐ b. Việc nắm giữ rủi ro độc quyền đảm bảo lợi nhuận kinh tế
- ☐ c. Khả năng định giá đảm bảo lợi nhuận kinh tế dương
- ☐ d. Họ nhận được trợ cấp của chính phủ

**Question 55.** Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp độc quyền nên sản xuất ở mức sản lượng:

- ☒ a.  $MC = MR$
- ☐ b.  $MC = AR$
- ☐ c.  $MC = P$
- ☐ d.  $P = AC_{min}$

**Question 56.** Khi nhà độc quyền nâng lượng bán từ 6 đến 7 sản phẩm thì giá của sản phẩm bị giảm từ 5 triệu đồng xuống 4 triệu đồng. Doanh thu cận biên của sản phẩm thứ 7 là:

- ☐ a. - 28 triệu
- ☒ b. - 2 triệu
- ☐ c. 1 triệu
- ☐ d. 28 triệu

**Question 57.** Khi giá các yếu tố sản xuất của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo tăng lên làm chi phí biên tăng lên thì doanh nghiệp sẽ:

Select one:

- ☒ a. Giảm sản lượng
- ☐ b. Tăng giá bán
- ☐ c. Giảm giá bán
- ☐ d. Sản xuất ở mức sản lượng cũ

**Question 58.** Nếu một hãng độc quyền muốn tối đa hóa lợi nhuận thì hãng cần:

- ☐ a. Lựa chọn mức sản lượng tại đó chi phí bình quân là nhỏ nhất
- ☐ b. Tối đa hóa lợi nhuận đơn vị
- ☒ c. Không có đáp án đúng
- ☐ d. Tối đa hóa doanh thu

**Question 59.** Một hãng chấp nhận giá là hãng :

- ☐ a. Phải giảm giá nếu muốn bán nhiều hàng hóa hơn
- ☒ b. Không thể tác động đến giá sản phẩm của hãng
- ☐ c. Có thể tăng giá nếu giảm sản lượng
- ☐ d. Phải chấp nhận giá đưa ra bởi một nhà độc quyền

**Question 60.** Đối với một hãng độc quyền tự nhiên, đường tổng chi phí bình quân:

Select one:

- ☐ a. Không đổi khi hãng tăng sản lượng
- ☒ b. Có thể giảm hoặc tăng khi hãng tăng sản lượng
- ☐ c. Luôn tăng khi hãng tăng sản lượng
- ☐ d. Luôn giảm khi hãng tăng sản lượng

**Question 61.** Chọn câu sai trong các câu dưới đây: Trong ngắn hạn doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo nhất thiết phải đóng cửa khi:

- ☐ a. Chi phí biến đổi trung bình tối thiểu lớn hơn giá bán
- ☐ b. Tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí biến đổi
- ☒ c. Tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí

☐ d. Phần lỗ lớn hơn chi phí cố định

**Question 62.** Đường cung của hãng độc quyền bán là:

☐ a. Đường chi phí cận biên

☐ b. Đường doanh thu cận biên

☒ c. Không có đáp án đúng

☐ d. Đường chi phí cận biên tính từ điểm tối thiểu của đường chi phí biến đổi trung bình

**Question 63.** Doanh thu cận biên của một hãng độc quyền bán là:

☒ a. Sự thay đổi tổng doanh thu khi bán thêm một đơn vị sản phẩm

☐ b. Thường lớn hơn giá.

☐ c. Chênh lệch về lợi nhuận mà nhà độc quyền thu được so với lợi nhuận mà một hãng trong ngành cạnh tranh thu được

☐ d. Giá mà nhà độc quyền đặt cho sản phẩm

**Question 64.** Cho hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN:  $TC = 172,8 + 8*Q + 1,2*Q^2$ .  
Giá đóng cửa sản xuất của DN là:

☐ a. 25

☐ b. 20

☐ c. 10

☒ d. 8

**Question 65.** Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) :  $Q_s = 0,25P_s - 2$ ; (D) :  $Q_d = 34 - 0,5P_d$ . Khi chính phủ áp đặt mức giá  $P = 40$ , trên thị trường sẽ:

☒ a. Thiếu hụt 6 sản phẩm

☐ b. Không có đáp án đúng

☐ c. Dư thừa 6 sản phẩm

☐ d. Thiếu hụt 14 sản phẩm

**Question 66.** Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN:  $AFC = 200/Q$ ;  $AVC = 20 + Q$ . Giá và sản lượng hòa vốn của DN là :

Select one:

☐ a.  $P=15,968$ ;  $Q=41,937$

☐ b.  $P=20$ ;  $Q=0$

☐ c.  $P=41,937$ ;  $Q=15,968$

☒ d.  $P=48,284$ ;  $Q=14,142$

**Question 67.** Một DN có phương trình đường cung trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo:  $P_s = 2,4 \cdot Q_s + 8$ ;  $FC = 132,3$ . Khi giá thị trường là 50, sản lượng và lợi nhuận cực đại của DN là:

Select one:

- ☒ a.  $Q = 17,5$ ; Lợi nhuận = 235,2
- ☐ b.  $Q = 14$ ; Lợi nhuận = 228
- ☐ c.  $Q = 0$ ; Lợi nhuận = -132,3
- ☐ d.  $Q = 15$ ; Lợi nhuận = 232,5

**Question 68.** Đường chi phí trung bình dài hạn LAC là:

- ☐ a. Tất cả các đáp án còn lại đều đúng
- ☒ b. Đường có chi phí trung bình thấp nhất có thể có ở mỗi mức sản lượng khi doanh nghiệp thay đổi quy mô sản xuất theo ý muốn
- ☐ c. Tập hợp các phần rất bé của đường AC
- ☐ d. Tập hợp những điểm cực tiểu của các đường chi phí trung bình ngắn hạn AC

**Question 69.** Sự khác nhau giữa ngắn hạn và dài hạn là:

- ☐ a. Ba tháng
- ☐ b. Trong ngắn hạn có hiệu suất không đổi, nhưng trong dài hạn không có
- ☐ c. Trong ngắn hạn, đường chi phí trung bình giảm dần, còn trong dài hạn nó tăng dần.
- ☒ d. Trong dài hạn tất cả các yếu tố đều có thể thay đổi được

**Question 70.** Để tối thiểu hóa chi phí sản xuất, các doanh nghiệp sẽ thực hiện phối hợp các yếu tố sản xuất (YTSX) theo nguyên tắc:

- ☐ a. ...
- ☐ b.  $MC = MR$
- ☒ c.  $MP_a/P_a = MP_b/P_b = MP_c/P_c$
- ☐ d.  $MC_a = MC_b = MC_c$
- ☐ e.  $MP_a = MP_b = MP_c = \dots$

**Question 71.** Khi chi phí trung bình tăng dần theo sản lượng thì:

Select one:

- ☐ a. Không có đáp án đúng.
- ☐ b. Chi phí biên bằng chi phí trung bình
- ☒ c. Chi phí biên lớn hơn chi phí trung bình
- ☐ d. Chi phí biên nhỏ hơn chi phí trung bình

**Question 72.** Đường cung dài hạn của ngành:

- ☐ a. Là tổng các đường chi phí trung bình dài hạn của tất cả các hãng thành viên, phần nằm dưới chi phí biên dài hạn.
- ☒ b. Là tổng các đường chi phí cận biên dài hạn của tất cả các hãng thành viên, nằm trên đường chi phí trung bình dài hạn
- ☐ c. Là tổng của các đường tổng chi phí của tất cả các hãng thành viên.
- ☐ d. Được tìm ra bằng cách cộng tất cả các đường chi phí cận biên ngắn hạn của tất cả các hãng thành viên

**Question 73.** MC cắt:

Select one:

- ☒ a. ATC, AVC tại điểm cực tiểu của chúng
- ☐ b. ATC, AFC tại điểm cực tiểu của chúng
- ☐ c. ATC, AVC, AFC tại điểm cực tiểu của chúng.
- ☐ d. AVC, AFC tại điểm cực tiểu của chúng

**Question 74.** Năng suất cận biên của vốn là:

- ☐ a. Chênh lệch sản lượng khi sử dụng thêm 1 đơn vị lao động với lượng vốn không đổi
- ☒ b. Chênh lệch sản lượng khi sử dụng thêm 1 đơn vị vốn với lượng lao động không đổi.
- ☐ c. Tổng sản phẩm chia cho tổng số lao động đang sử dụng với lượng vốn không đổi
- ☐ d. Tổng sản phẩm chia cho tổng số vốn đang sử dụng với lượng lao động không đổi

**Question 75.** Giả sử năng suất trung bình của 6 người công nhân là 15. Nếu năng suất biên của người công nhân thứ 7 là 20, thể hiện:

Select one:

- ☐ a. Năng suất biên đang giảm.
- ☒ b. Năng suất trung bình đang tăng.
- ☐ c. Năng suất biên đang tăng.
- ☐ d. Năng suất trung bình đang giảm.

**Question 76.** Hàm sản xuất được cho bởi:  $Q = K \cdot (L - 5)$ . Hàm năng suất biên của các yếu tố K và L là:

- ☐ a.  $MPK = 2 \cdot L - 5$ ;  $MPL = 2 \cdot K$
- ☒ b.  $MPK = L - 5$ ;  $MPL = K$
- ☐ c.  $MPK = K$ ;  $MPL = L - 5$
- ☐ d. Không có đáp án đúng.

**Question 77.** Hàm tổng chi phí sản xuất sản phẩm A là:  $TC = 100 + 2 \cdot Q + Q \cdot Q$ . Hàm chi phí biến đổi (VC) là:

- ☐ a. 100

- ☐ b.  $(100/Q) + 2 + Q$
- ☐ c.  $2Q + Q$
- ☒ d.  $2*Q + Q*Q$

**Question 78.** Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là:  $Q = L*L + K*K - K*L$  ( $Q$  là sản lượng;  $L$  là số lao động;  $K$  là số vốn). Giá các yếu tố đầu vào  $PK=20$ ;  $PL=10$ . Chi phí sản xuất không đổi  $TC=210$  Phương án sản xuất tối ưu:

Select one:

- ☐ a.  $K=7$ ;  $L=7$
- ☒ b.  $K=7,5$ ;  $L=6$
- ☐ c.  $K=3,57$ ;  $L=2,857$
- ☐ d.  $K=6,5$ ;  $L=8$

### Chương 5: Cấu Trúc Thị Trường

**Question 3.** Hãng nên rời bỏ thị trường khi:

- ☐ a. Không thể thu được doanh thu ít nhất là bằng chi phí biến đổi.
- ☐ b. Giá nhỏ hơn mức tối thiểu của đường chi phí biến đổi trung bình
- ☒ c. Không thể thu được doanh thu ít nhất là bằng chi phí biến đổi; và Giá nhỏ hơn mức tối thiểu của đường chi phí biến đổi trung bình.
- ☐ d. Giá nhỏ hơn chi phí cận biên.

**Question 4.** Điều nào dưới đây không phải là đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo

- ☐ a. Sản phẩm khác nhau
- ☐ b. Đường cầu hoàn toàn co giãn đối với mỗi hãng
- ☒ c. Đường cầu thị trường dốc xuống
- ☐ d. Có rất nhiều hãng, mỗi hãng bán một phần rất nhỏ sản phẩm trên thị trường

**Question 6.** Nếu một hãng cạnh tranh hoàn hảo đang có lợi nhuận, khi đó hãng đang sản xuất tại mức sản lượng sao cho:

- ☐ a. Chi phí cận biên lớn hơn doanh thu cận biên
- ☐ b. Giá lớn hơn doanh thu cận biên
- ☐ c. Giá lớn hơn chi phí cận biên
- ☒ d. Chi phí cận biên lớn hơn tổng chi phí bình quân

**Question 7.** Nếu doanh thu cận biên của một hãng cạnh tranh hoàn hảo lớn hơn chi phí cận biên, hãng:

- ☐ a. Nên giảm sản lượng



☐ b. Đang có lợi nhuận

☐ c. Nên đóng cửa

☒ d. Nên tăng sản lượng

**Question 8.** Điều nào dưới đây không đúng trong trường hợp hãng cạnh tranh hoàn hảo:

☒ a. Doanh thu cận biên thường nhỏ hơn doanh thu bình quân

☐ b. Giá không đổi khi lượng bán thay đổi

☐ c. Doanh thu cận biên bằng giá

☐ d. Sự thay đổi tổng doanh thu bằng giá nhân với sự thay đổi lượng bán

**Question 9.** Đường cung của một hãng cạnh tranh hoàn hảo là:

☐ a. Đường chi phí biến đổi bình quân

☒ b. Không có đáp án đúng

☐ c. Đường giá

☐ d. Đường chi phí cố định bình quân

**Question 10.** Trong cạnh tranh hoàn hảo, doanh thu bình quân của một hãng bằng :

☐ a. Tổng doanh thu chia tổng chi phí

☐ b. Doanh thu cận biên chia cho giá

☐ c. Doanh thu nhận được khi thuê thêm một đơn vị lao động

☒ d. Giá bán

**Question 11.** Điều nào dưới đây không xảy ra trong cạnh tranh hoàn hảo:

☐ a. Có nhiều người bán

☐ b. Các hãng trong ngành không có lợi thế so với những hãng mới gia nhập

☒ c. Có những cản trở đáng kể đối với việc gia nhập ngành

☐ d. Người bán và người mua có thông tin hoàn hảo về giá của sản phẩm trên thị trường

**Question 12.** Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN:  $AFC = 1000/Q$ ;  $AVC = Q + 20$ . Giá và sản lượng đóng cửa sản xuất của DN là:

☐ a.  $P=83,245$ ;  $Q=31,623$

☒ b.  $P=20$ ;  $Q=0$

☐ c.  $P=41,937$ ;  $Q=15,968$

☐ d.  $P=31,623$ ;  $Q=83,245$

**Question 13.** Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) :  $Q_s = P_s - 8$ ; (D) :  $Q_d = 90 - P_d$ . Khi chính phủ áp đặt mức giá  $P = 30$ , trên thị trường sẽ:

☒ a. Thiếu hụt 38 sản phẩm

☐ b. Không có đáp án đúng

☐ c. Dư thừa 38 sản phẩm

☐ d. Dư thừa 60 sản phẩm

**Question 14.** Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN:  $TC = 144 + 10 \cdot Q + Q^2$ .

Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

☐ a.  $P = 12; Q = 34$

☐ b.  $P = 15,968; Q = 41,937$

☐ c.  $P = 41,937; Q = 15,968$

☒ d.  $P = 34; Q = 12$

**Question 15.** Có 10 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm X, điều kiện sản xuất như nhau.

Hàm chi phí sản xuất mỗi doanh nghiệp cho bởi:  $TC = 0,1 \cdot q^2 + 200 \cdot q + 200.000$

Hàm số cung của thị trường là:

☐ a.  $P = 2Q + 2.000$

☒ b.  $P = 2Q + 200$

☐ c. Không có đáp án đúng

☒ d.  $Q_s = 50P - 10.000$

**Question 2.** Một nhà độc quyền sẽ giảm mức giá tối đa hóa lợi nhuận khi:

☐ a. Chi phí cố định bình quân giảm

☐ b. Tổng chi phí bình quân giảm

☐ c. Chi phí cố định giảm

☒ d. Chi phí cận biên giảm

**Question 3.** Đối với một nhà độc quyền, sự thay đổi tổng doanh thu do bán thêm một đơn vị sản phẩm:

☐ a. Lớn hơn chi phí cận biên

☐ b. Bằng giá sản phẩm

☐ c. Lớn hơn giá sản phẩm

☒ d. Nhỏ hơn giá sản phẩm

**Question 6.** Rào cản gia nhập thị trường bao gồm:

☒ a. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.

- ☐ b. Bằng phát minh sáng chế
- ☐ c. Tính kinh tế của qui mô
- ☐ d. Đặc quyền kinh doanh của chính phủ

**Question 7.** Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, các doanh nghiệp trong trạng thái cân bằng dài hạn khi:

- ☐ a.  $P \geq LAC$
- ☐ b.  $MC = MR = P$
- ☐ c.  $P = SAC = LAC$
- ☒ d.  $SMC = LMC = MR = P$

**Question 8.** Một hãng đóng cửa không sản xuất một đơn vị sản phẩm nào sẽ chịu thua lỗ bằng:  
Select one:

- ☐ a. Chi phí biến đổi
- ☒ b. Chi phí cố định
- ☐ c. Chi phí bình quân
- ☐ d. Chi phí cận biên

**Question 10.** Điểm hòa vốn xảy ra ở mức sản lượng mà tại đó:

- ☐ a. Hãng chịu thua lỗ
- ☒ b. Chi phí bình quân nhỏ nhất
- ☐ c. Hãng có lợi nhuận kinh tế
- ☐ d. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí biến đổi

**Question 11.** Khi  $P < AVC_{min}$ , doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo nên quyết định:

- ☒ a. Ngừng sản xuất
- ☐ b. Sản xuất tại mức sản lượng có  $AVC_{min}$
- ☐ c. Sản xuất tại mức sản lượng có  $P = MC$
- ☐ d. Sản xuất ở mức sản lượng mà  $MC = MR$

**Question 12.** Cho hàm chi phí biên của DN trong ngắn hạn:  $MC = 8 + 2,4*Q$ ; Chi phí cố định  $FC = 172,8$ . Giá đóng cửa sản xuất của DN là:

- ☒ a. 8
- ☐ b. 10
- ☐ c. 25
- ☐ d. 20

**Question 13.** Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) :  $Q_s = 0,5P_s - 7$ ; (D) :  $Q_d = 43 - 0,5P_d$ . Khi chính phủ áp đặt mức giá  $P = 66$ , trên thị trường sẽ:

- ☐ a. Dư thừa 17 sản phẩm
- ☐ b. Thiếu hụt 18 sản phẩm
- ☐ c. Không có đáp án đúng
- ☒ d. Dư thừa 16 sản phẩm

**Question 14.** Cho hàm chi phí biên của DN trong ngắn hạn:  $MC = 20 + 2*Q$ ; Chi phí cố định  $FC = 200$ . Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

- ☐ a.  $P=41,937$ ;  $Q=15,968$
- ☐ b.  $P=15,968$ ;  $Q=41,937$
- ☒ c.  $P=48,284$ ;  $Q=14,142$
- ☐ d.  $P=20$ ;  $Q=0$

**Question 15.** Một DN có phương trình đường cung trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo:  $P_s = 2*Q_s + 10$ ;  $FC = 144$ . Khi giá thị trường là 35, sản lượng và lợi nhuận cực đại của DN là:

- ☒ a.  $Q = 12,5$ ; Lợi nhuận = 12,25
- ☐ b.  $Q = 14$ ; Lợi nhuận = 228
- ☐ c.  $Q = 0$ ; Lợi nhuận = -144
- ☐ d.  $Q = 15$ ; Lợi nhuận = 232,5

**Question 1.** Nếu một hãng đối diện với đường cầu hoàn toàn co giãn đối với sản phẩm của hãng đó thì :

- ☐ a. Hãng không phải là người chấp nhận giá
- ☐ b. Hãng sẽ tăng giá để tăng tổng doanh thu
- ☐ c. Hãng sẽ giảm giá để bán được nhiều hàng hóa hơn
- ☒ d. Doanh thu cận biên bằng giá sản phẩm

**Question 2.** Một hãng nên đóng cửa sản xuất nếu giá

- ☒ a. Nhỏ hơn chi phí biến đổi bình quân tối thiểu
- ☐ b. Nhỏ hơn doanh thu bình quân tối thiểu
- ☐ c. Lớn hơn chi phí biến đổi bình quân tối thiểu
- ☐ d. Lớn hơn chi phí cố định bình quân tối thiểu

**Question 5.** Với một nhà độc quyền bán, điều nào dưới đây là sai:

- ☒ a. Với bất kỳ mức sản lượng nào lớn hơn 0,  $MR = AR$
- ☐ b. Đường cầu của ngành là đường cầu của nhà độc quyền

- ☐ c. Tổng doanh thu đạt cực đại khi  $MR = 0$
- ☐ d. Không có mối quan hệ một – một duy nhất giữa giá và lượng bán

**Question 7.** Khi hãng cạnh tranh hoàn hảo đạt được lợi nhuận tối đa trong ngắn hạn:

- ☒ a. Giá bán bằng chi phí biên trong ngắn hạn
- ☐ b. Chi phí biên ngắn hạn tăng dần
- ☐ c. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.
- ☐ d. Giá bán lớn hơn chi phí trung bình

**Question 8.** Giả sử một hãng đang cân nhắc có nên đóng cửa hay không để tối thiểu hóa thua lỗ. Nếu giá bằng chi phí biến đổi bình quân thì:

- ☒ a. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí biến đổi và thua lỗ bằng tổng chi phí cố định
- ☐ b. Tổng chi phí biến đổi bằng tổng chi phí cố định
- ☐ c. Tổng chi phí bằng tổng chi phí biến đổi
- ☐ d. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí cố định và thua lỗ bằng tổng chi phí biến đổi

**Question 9.** Đối với một DN trong một ngành cạnh tranh hoàn hảo, thì vấn đề nào dưới đây không thể quyết định được:

- ☐ a. Số lượng các yếu tố sản xuất
- ☒ b. Giá bán sản phẩm
- ☐ c. Sản xuất như thế nào
- ☐ d. Số lượng sản phẩm sản xuất

**Question 12.** Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN:  $TC = 200 + 20Q + Q^2$ .

Giá và sản lượng đóng cửa sản xuất của DN là :

- ☐ a.  $P = 41,937$ ;  $Q = 15,968$
- ☐ b.  $P = 15,968$ ;  $Q = 41,937$
- ☐ c.  $P = 48,284$ ;  $Q = 14,142$
- ☒ d.  $P = 20$ ;  $Q = 0$

**Question 13.** Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) :  $Q_s = 0,5P_s - 6$ ; (D) :  $Q_d = 43 - 0,5P_d$ . Khi chính phủ áp đặt mức giá  $P = 35$ , trên thị trường sẽ:

- ☐ a. Không có đáp án đúng
- ☐ b. Dư thừa 15 sản phẩm
- ☐ c. Thiếu hụt 15 sản phẩm
- ☒ d. Thiếu hụt 14 sản phẩm

**Question 14.** Cho hàm chi phí biên của DN trong ngắn hạn:  $MC = 8 + 2,4 \cdot Q$ ; Chi phí cố định  $FC = 132,3$ . Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

- ☐ a.  $P = 48,284; Q = 14,142$
- ☐ b.  $P = 41,937; Q = 15,968$
- ☒ c.  $P = 33,2; Q = 10,5$
- ☐ d.  $P = 12; Q = 36,8$

**Question 15.** Một DN có phương trình đường cung trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo:  $P_s = 2,4 \cdot Q_s + 8$ ;  $FC = 132,3$ . Khi giá thị trường là 50, sản lượng và lợi nhuận cực đại của DN là:

- ☒ a.  $Q = 17,5$ ; Lợi nhuận = 235,2
- ☐ b.  $Q = 15$ ; Lợi nhuận = 232,5
- ☐ c.  $Q = 0$ ; Lợi nhuận = -132,3
- ☐ d.  $Q = 14$ ; Lợi nhuận = 228

#### Chương 6: MỞ ĐẦU KINH TẾ VĨ MÔ

1. GDP thực và GDP danh nghĩa của một năm bằng nhau nếu:

- ☒ a. Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm gốc
- ☐ b. Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm gốc
- ☐ c. Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm trước
- ☐ d. Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm trước

2. GNP theo chi phí cho yếu tố sản xuất bằng:

- ☐ a. GNP theo giá thị trường trừ đi thuế gián thu
- ☐ b. NI cộng khấu hao
- ☒ c. GNP theo giá thị trường trừ đi khấu hao và thuế gián thu
- ☐ d. GNP trừ đi khấu hao

GDP thực tế bằng:

- ☐ a. GDP danh nghĩa trừ đi khấu hao
- ☐ b. GDP danh nghĩa trừ đi giá trị trung gian
- ☐ c. GDP danh nghĩa trừ đi giá trị hàng hóa xuất khẩu
- ☒ d. GDP danh nghĩa được điều chỉnh theo lạm phát

3. Nếu thu nhập quốc dân không đổi, thu nhập khả dụng tăng khi:

- ☐ a. Tiêu dùng tăng
- ☒ b. Thuế thu nhập giảm
- ☐ c. Tiết kiệm giảm
- ☐ d. Tiêu dùng giảm

4. Yếu tố nào sau đây không phải là tính chất của GDP danh nghĩa:

- ☒ a. Tính theo giá cố định
- ☐ b. Đo lường cho toàn bộ sản phẩm cuối cùng
- ☐ c. Thường tính cho một năm
- ☐ d. Không tính giá trị của các sản phẩm trung gian

5. Giả sử Chính phủ trợ cấp cho hộ gia đình một khoản tiền là 100 triệu đồng, sau đó các hộ gia đình dùng khoản tiền này để mua thuốc chữa bệnh. Khi hạch toán theo luồng hàng hóa và dịch vụ cuối cùng thì khoản chi tiêu trên sẽ được tính vào GDP theo cách tiếp cận:

Select one:

**a. Tiêu dùng của hộ gia đình**

b. Trợ cấp của Chính phủ cho hộ gia đình

c. Chi tiêu dùng của Chính phủ

d. Đầu tư của Chính phủ

6. Sự chênh lệch giữa GDP<sub>mp</sub> và GDP<sub>pc</sub> là:

a. Khấu hao tài sản cố định

b. Lợi nhuận

**c. Thuế gián thu**

d. Thuế gián thu và Khấu hao tài sản cố định

7. Khoản nào sau đây không phải là thuế gián thu

a. Thuế tiêu thụ đặc biệt

b. Tất cả các câu trên đều đúng

c. Thuế giá trị gia tăng

**d. Thuế lợi tức công ty phải trả**

8. Khoản nào sau đây không phải là thuế gián thu trong kinh doanh:

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

b. Thuế thừa kế tài sản

c. Thuế giá trị gia tăng

**d. Thuế thừa kế tài sản và Thuế thu nhập doanh nghiệp**

8. Thu nhập khả dụng là:

**a. Thu nhập được quyền dùng tự do theo ý muốn của dân chúng**

b. Tiết kiệm còn lại sau khi đã tiêu dùng

c. Thu nhập của công chúng bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân

d. Thu nhập tài sản ròng từ nước ngoài

9. Hoạt động nào sau đây không làm tăng thu nhập người dân một nước: Select one:

a. Mở rộng đường giao thông

b. Xuất khẩu nhiều hàng tiêu dùng

c. Xây dựng một cây cầu

**d. Nhập khẩu nhiều ô tô và xe máy**

10. Yếu tố nào sau đây không phải là tính chất của GDP thực tế:

a. Thường tính cho một năm

**b. Tính theo giá hiện hành**

c. Đo lường cho toàn bộ sản phẩm cuối cùng

d. Không tính giá trị của các sản phẩm trung gian

11. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là:

a. Tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do công dân nước đó tạo ra trong một thời kỳ nhất định

b. Tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định

**c. Tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được tạo ra trong lãnh thổ kinh tế của một nước trong một thời kỳ nhất định**

d. tất cả các câu đều đúng

12. Giá trị gia tăng của một xí nghiệp là:

**a. Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi trừ đi những chi phí vật chất mua ngoài để sản xuất sản phẩm.**

b. Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi trừ đi chi phí tiền lương để sản xuất

c. Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi trừ đi những chi phí nguyên liệu để sản xuất sản phẩm.

d. Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi trừ đi toàn bộ chi phí vật chất để

sản xuất sản phẩm

13. Cho nền kinh tế có 2 loại hàng hóa, có giá và sản lượng được cho theo bảng dưới đây:

Năm 2010

Năm 2011

Giá

(1000đ/kg) Sản lượng (kg)

Giá

(1000đ/kg) Sản lượng (kg)

Gạo 1 10 1.5 20 Quần áo 3 20 4 30

Chọn mức giá năm 2010 làm gốc. GDP thực tế và danh nghĩa năm 2011 là:

**a. GDP<sub>Pr</sub>=110; GDP<sub>N</sub>=150**

b. GDP<sub>Pr</sub>=70; GDP<sub>N</sub>=110

c. GDP<sub>Pr</sub>=70; GDP<sub>N</sub>=150

d. GDP<sub>Pr</sub>=70; GDP<sub>N</sub>=95

14. GNP theo giá thị trường bằng:

**a. GDP theo giá thị trường cộng thu nhập ròng từ nước ngoài; Và bằng sản phẩm quốc dân ròng cộng khẩu hao**

b. GDP theo giá thị trường trừ thu nhập ròng từ nước ngoài

c. Sản phẩm quốc dân ròng cộng khẩu hao

d. GDP theo giá thị trường cộng thu nhập ròng từ nước ngoài

15. Trong nền kinh tế giản đơn và nền kinh tế đóng:

a. GNP < GDP

b. GNP và GDP không có quan hệ gì với nhau

**c. GNP = GDP**

d. GNP > GDP

16. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) có thể được đo lường bằng tổng của:

**a. Tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu chính phủ và xuất khẩu ròng**

b. Tiêu dùng, thu nhập tài sản ròng, tiền lương và lợi nhuận

c. Giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng, chi phí hàng hóa trung gian, thu nhập tài sản ròng và tiền thuê

d. Đầu tư, tiêu dùng, lợi nhuận và chi phí hàng hóa trung gian

17. Hạn chế của hạch toán thu nhập quốc dân là:

**a. Tất cả các đáp án câu trên đều đúng**

b. Không đo lường chi phí xã hội

c. Không bao gồm giá trị của thời gian nghỉ

d. Không đo lường được các hoạt động kinh tế ngầm



18. Khoản nào sau đây không phải là thuế trực thu:

**a. Thuế tiêu thụ đặc biệt và Thuế giá trị gia tăng**

b. Thuế thu nhập cao

c. Thuế tiêu thụ đặc biệt

d. Thuế giá trị gia tăng

Trợ cấp là các khoản:

a. Trợ cấp của Chính phủ cho các cựu chiến binh

b. Trợ cấp hưu trí

c. Trợ cấp thất nghiệp

**d. Tất cả các câu trên đều đúng**

The correct answer is: Tất cả các câu trên đều đúng.

19. Lợi nhuận của công ty Honda ở Việt Nam sẽ được tính vào:

a. Việt Nam

**b. GDP của Việt Nam và GNP của Nhật Bản: đều đúng**

c. GDP của Việt Nam

d. GNP của Nhật Bản

20. Sự chênh lệch giữa đầu tư và đầu tư ròng là:

Select one:

a. Đầu tư tài chính

**b. Hao mòn tài sản cố định**

c. Không câu nào đúng

d. Đầu tư hàng tồn kho

21. Hàng hóa trung gian được định nghĩa là hàng hóa mà chúng:

a. Được tính trực tiếp vào GDP

b. Được mua trong năm nay nhưng được sử dụng cho những năm sau

c. Được bán cho người sử dụng cuối cùng

**d. Được sử dụng trong quá trình sản xuất ra hàng hóa và dịch vụ khác**

22. GNP là chỉ tiêu sản lượng quốc gia được tính theo:

a. “Sản phẩm trung gian được tạo ra trong năm và Quan điểm sở hữu” là sai

**b. Quan điểm sở hữu**

c. Sản phẩm trung gian được tạo ra trong năm

d. “Sản phẩm trung gian được tạo ra trong năm và Quan điểm sở hữu”: đúng

Flag question

23. Để tính tốc độ tăng trưởng kinh tế giữa các thời kỳ, người ta sử dụng :

a. Chỉ tiêu danh nghĩa

b. Chỉ tiêu sản xuất

c. Chỉ tiêu theo giá thị trường

**d. Chỉ tiêu thực**

24. Thuật ngữ “tiết kiệm” được sử dụng trong phân tích kinh tế là: Select one:

a. Tiền sử dụng vào mục đích thanh toán khoản nợ đã vay

b. Tiền mua bảo hiểm cá nhân, tiền mua cổ phiếu

**c. Phần còn lại của thu nhập khả dụng sau khi tiêu dùng**

d. Tất cả các câu đều đúng

25. Khoản mục nào dưới đây được tính vào GDP năm nay:

a. Một ngôi nhà cũ được bán trong năm nay

- b. Một chiếc ô tô mới được nhập khẩu từ nước ngoài
  - c. Máy in được sản xuất ra trong năm được một công ty xuất bản mua
  - d. Một chiếc máy tính sản xuất ra năm trước năm nay mới bán được
- The correct answer is: Máy in được sản xuất ra trong năm được một công ty xuất bản mua.

26. GNP của Việt Nam đo lường thu nhập:

- a. Tạo ra trên lãnh thổ Việt Nam
- b. Người Việt Nam tạo ra ở cả trong nước và nước ngoài**

- c. Không có đáp án đúng
- d. Của khu vực dịch vụ trong nước

27. tiêu nào nhỏ nhất trong những chỉ tiêu đo lường sản lượng Quốc gia: Select one:

- a. Tổng sản phẩm quốc dân
- b. Sản phẩm quốc dân ròng
- c. Thu nhập khả dụng
- d. Thu nhập cá nhân

The correct answer is: Thu nhập khả dụng.

28. Chỉ tiêu nào dưới đây không đo lường giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng:

- a. Không có đáp án đúng**
- b. Thu nhập khả dụng
- c. Sản phẩm quốc dân ròng
- d. Tổng sản phẩm quốc dân

29. Nếu bạn muốn kiểm tra xem có nhiều hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra hơn trong nền kinh tế trong năm 2004 so với năm 2003, thì bạn nên xem xét:

- a. Giá trị sản phẩm trung gian

**b. GDP thực tế**

- c. GDP danh nghĩa
- d. Không phải các đáp án trên

30. Sự khác nhau giữa tổng sản phẩm quốc dân và sản phẩm quốc dân ròng là:

- a. Xuất khẩu ròng
- b. Phần chi tiêu cho đầu tư

**c. Phần khấu hao**

- d. Tiết kiệm

31. Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở:

- a. Mục đích sử dụng**
- b. Tất cả các câu đều sai.
- c. Là nguyên liệu và không phải là nguyên liệu
- d. Thời gian tiêu thụ

32. Cầu nối giữa GNP danh nghĩa và GNP thực tế là:

- a. Khấu hao
- b. Chỉ số giá cả
- c. Không có câu nào đúng

**d. Thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài**

33. Câu bình luận nào về GDP sau đây là sai:

- a. GDP có thể được tính bằng giá cả hiện hành và giá cả của năm gốc
- b. Các hàng hóa trung gian và hàng hóa cuối cùng đều được tính vào GDP**

c.GDP danh nghĩa được điều chỉnh theo lạm phát là GDP thực tế

d.Chỉ tính những hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra trong thời kỳ nghiên cứu

34. Giá trị sản lượng của một hãng trừ đi chi phí về các sản phẩm trung gian được gọi là:

Select one:

a.Xuất khẩu ròng

**b.Giá trị gia tăng**

c.Lợi nhuận ròng

d.Sản xuất gián tiếp

The correct answer is: Giá trị gia tăng.

35. Cho các số liệu về gạo và thịt lợn của nền kinh tế trong bảng dưới đây: Năm 2010

Năm 2011 Giá (1000đ/kg) Sản lượng (kg)

Giá

(1000đ/kg) Sản lượng (kg)

Gạo 1 300 1,5 300 Thịt 3 100 4 150

Chọn mức giá năm 2010 làm gốc. GDP thực tế và danh nghĩa năm 2011 là: Select one:

a.GDP<sub>r</sub>=600; GDP<sub>n</sub>=600

**b.GDP<sub>r</sub>=750; GDP<sub>n</sub>=1050**

c.GDP<sub>r</sub>=600; GDP<sub>n</sub>=750

d.GDP<sub>r</sub>=850; GDP<sub>n</sub>=1050

36. Yếu tố nào sau đây không phải là một yếu tố chi phí:

a.Tiền lương của người lao động

b.Tiền thuê đất

c.Thu nhập của chủ sở hữu xí nghiệp

**d.Trợ cấp trong kinh doanh**

Khi tính

37. GDP cần loại bỏ sản phẩm trung gian vì:

**a.Nếu không loại bỏ sẽ bị tính trùng lặp**

b.Chúng cần phải tiếp tục chế biến

c.Chúng chưa phải sản phẩm hoàn thành

d.Chúng chưa thể sử dụng để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng The correct answer is: Nếu không loại bỏ sẽ bị tính trùng lặp.

38. Đo lường biến động giá bằng chỉ tiêu:

a.Không có phương án nào đúng

**b.Chỉ số giá và Tỷ lệ lạm phát: đều đúng**

c.Tỷ lệ lạm phát

d.Chỉ số giá

38. Để tính tốc độ tăng trưởng kinh tế giữa các thời kỳ, người ta sử dụng : Select one:

a.Chỉ tiêu danh nghĩa

b.Chỉ tiêu sản xuất

**c.Chỉ tiêu thực**

d.Chỉ tiêu theo giá thị trường

39. Dạng đầu tư được tính vào GDP là:

a.Đầu tư tài chính

**b. Đầu tư vào tài sản cố định và Đầu tư vào hàng tồn kho: đều đúng**

c. Đầu tư vào hàng tồn kho

d. Đầu tư vào tài sản cố định

40. Tính các chỉ tiêu sản lượng thực:

**a. Lấy chỉ tiêu danh nghĩa chia cho chỉ số giá và Theo giá cố định**

b. Lấy chỉ tiêu danh nghĩa chia cho chỉ số giá

c. Theo giá cố định

d. Lấy chỉ tiêu danh nghĩa nhân với chỉ số giá

41. Trong nền kinh tế mở:

**a. GNP và GDP khác nhau ở phần thu nhập tài sản ròng từ nước ngoài**

b.  $GNP < GDP$

c.  $GNP > GDP$

d.  $GNP = GDP$

Đề 5. 42. Bất đẳng thức nào sau đây đúng:

a.  $GNP > 2/3GDP$

**b. Không có câu trả lời chắc chắn**

c.  $GNP > GDP$

d.  $GNP < GDP$

43. Đồng nhất thức trong mô hình giản đơn là:

a.  $I = S$

b.  $C = I$  và  $I = S$ : đều sai

**c.  $C = I$  và  $I = S$ : đều đúng**

d.  $C = I$

44. Điều nào dưới đây không phải là cách mà các hộ gia đình sử dụng tiết kiệm của mình

a. Đóng thuế

b. Cho người nước ngoài vay

c. Cho các doanh nghiệp vay

d. Cho Chính phủ vay

KTHDC:..... được tính bằng cộng toàn bộ các yếu tố chi phí trên lãnh thổ một quốc gia trong một thời kỳ nhất định:

45.

a. Sản phẩm quốc dân ròng

**b. Tổng sản phẩm quốc nội**

c. Thu nhập khả dụng.

d. Tổng sản phẩm quốc dân

46. Đo lường biến động giá bằng chỉ tiêu:

**a. Chỉ số giá và Tỷ lệ lạm phát: đều đúng**

b. Không có phương án nào đúng

c. Tỷ lệ lạm phát

d. Chỉ số giá

47. GDP thực tế đo lường theo mức, còn GDP danh

giá..... nghĩa đo lường

theo mức giá.....

Select one:

- a. Năm hiện hành, năm cơ sở
- b. Cửa hàng hóa trung gian, cửa hàng hóa cuối cùng
- c. Trong nước, quốc tế

**d. Năm cơ sở, năm hiện hành**

48. Khoản mục nào dưới đây không được xếp vào cùng một nhóm với các khoản mục còn lại:

- a. Lợi nhuận của công ty
- b. Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản

**c. Thanh toán chuyển khoản của Chính phủ**

d. Tiền công và tiền lương

49. Tổng sản phẩm quốc dân danh nghĩa năm 1990 là 398 tỷ, năm 2000 là 676 tỷ. Chỉ số giá năm 1990 là 91 và chỉ số giá năm 2000 là 111. Tổng sản phẩm quốc dân thực giữa năm 1990 và 2000 sẽ là:

- a. Chênh lệch khoảng 90%
- b. Chênh lệch khoảng 70%

**c. Chênh lệch khoảng 40%**

d. Giữ nguyên không thay đổi

The correct answer is: Chênh lệch khoảng 40%.

50. Khoản mục nào dưới đây được tính vào GDP:

**a. Dịch vụ tư vấn**

- b. Doanh thu từ việc bán các sản phẩm trung gian
- c. Doanh thu từ việc bán ma túy bất hợp pháp
- d. Công việc nội trợ

51. Cộng hai khoản mục nào dưới đây là không đúng khi tính GDP hoặc GNP

- a. Chi tiêu cho đầu tư và chi tiêu chính phủ
- b. Lợi nhuận của công ty và lợi tức nhận được từ việc cho công ty vay tiền

**c. Chi tiêu của chính phủ với tiền lương**

d. Tiêu dùng của dân cư và chi tiêu chính phủ

The correct answer is: Chi tiêu của chính phủ với tiền lương.

52. GDP danh nghĩa của năm gốc là 1000 tỷ đồng, giả sử năm thứ 5 mức giá chung tăng gấp 2 lần và GDP thực tế tăng 30% chúng ta có thể dự đoán rằng GDP

danh nghĩa của năm thứ 5 sẽ là: Select one:

- a. 3000 tỷ đồng
- b. 2000 tỷ đồng
- c. 2600 tỷ đồng**
- d. 1300 tỷ đồng

53. Câu bình luận nào về GDP sau đây là sai:

**a. Các hàng hóa trung gian và hàng hóa cuối cùng đều được tính vào GDP**

- b. GDP danh nghĩa được điều chỉnh theo lạm phát là GDP thực tế
- c. Chỉ tính những hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra trong thời kỳ nghiên cứu
- d. GDP có thể được tính bằng giá cả hiện hành và giá cả của năm gốc

54. Sản lượng tiềm năng là:

- a. Các câu còn lại đều sai.
- b. Mức sản lượng mà nền kinh tế có thể đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên**
- c. Mức sản lượng mà nền kinh tế có thể đạt được khi sử dụng 100% các nguồn lực

d. Mức sản lượng tối đa mà nền kinh tế có thể đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp bằng không.

55. Cộng hai khoản mục nào dưới đây là không đúng khi tính GDP hoặc GNP

a. Tiêu dùng của dân cư và chi tiêu chính phủ

b. Lợi nhuận của công ty và lợi tức nhận được từ việc cho công ty vay tiền

**c. Chi tiêu của chính phủ với tiền lương**

d. Chi tiêu cho đầu tư và chi tiêu chính phủ

56. Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) đo lường giá trị sản xuất và thu nhập được tạo ra bởi:

a. Riêng khu vực dịch vụ trong nước

b. Những người lao động và các nhà máy đặt trên lãnh thổ Việt Nam

c. Riêng khu vực chế tạo trong nước

**d. Công dân Việt Nam và các nhà máy mà họ sở hữu bất kể chúng được đặt ở đâu trên thế giới**

## Chương 7: Tổng Cầu Và Chính sách tài khóa

Question 1. Cán cân thương mại cân bằng khi:

☐ a.  $X + \Delta X = IM + \Delta IM$

☐ b.  $\Delta X = \Delta IM$

☒ c.  $X = IM$  và  $X + \Delta X = IM + \Delta IM$  đều đúng.

☐ d.  $X = IM$

Question 2. Cắt giảm các khoản chi ngân sách của Chính phủ là một trong những biện pháp để:

☐ a. Giảm tỷ lệ thất nghiệp

☐ b. Giảm thuế

☐ c. Tăng đầu tư cho giáo dục

☒ d. Hạn chế lạm phát

Question 3. Chi tiêu đầu tư phụ thuộc:

☐ a. Đồng biến với sản lượng quốc gia

☒ b. Đồng biến với sản lượng quốc gia và Nghịch biến với lãi suất

☐ c. Đồng biến với lãi suất

☐ d. Nghịch biến với lãi suất

Question 4. Chính sách tài khóa là một công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì:

☒ a. Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của Chính phủ có thể tác động đến mức giá, mức sản lượng và mức nhân dụng.

☐ b. Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bội chi ngân sách của Chính phủ.

☐ c. Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và lãi suất có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế.

☐ d. Sự thay đổi lượng cung tiền sẽ tác động đến lãi suất, đầu tư và mức nhân dụng

Question 5. Để khuyến khích các hãng đầu tư vào các sản phẩm mới, Chính phủ nên:

- ☒ a. Giảm thuế đánh vào lợi tức
- ☐ b. Tăng thuế đánh vào lợi tức
- ☐ c. Tăng thuế đánh vào lợi tức & Giảm thuế đánh vào lợi tức: đều đúng
- ☐ d. Tăng thuế đánh vào lợi tức & Giảm thuế đánh vào lợi tức: đều sai

Question 6. Độ dốc của đường tiết kiệm bằng:

- ☐ a.  $mpm$
- ☐ b.  $mpc$
- ☐ c.  $1 - mps$
- ☒ d.  $mps$

Question 7. Độ dốc của đường X-IM âm, bởi vì:

- ☐ a. Xuất khẩu là hằng số trong khi nhập khẩu giảm xuống khi sản lượng tăng.
- ☐ b. Giá trị hàng hóa xuất khẩu giảm xuống khi sản lượng tăng lên
- ☐ c. Giá trị hàng hóa nhập khẩu giảm xuống khi sản lượng tăng lên
- ☒ d. Xuất khẩu là hằng số trong khi nhập khẩu gia tăng khi sản lượng tăng lên.

Question 8. Giả sử  $mpc=0,55$ ;  $mpt=0,2$ ;  $mpi=0,14$ ;  $mpm=0,08$ ;  $C_0=38$ ;  $T_0=20$ ;  $I_0=100$ ;  $G=120$ ;  $X=40$ ;  $IM_0=38$ ; Sản lượng tiềm năng là 600. Tình trạng ngân sách tại điểm cân bằng:

- ☒ a. Thiếu thông tin để kết luận
- ☐ b. Thặng dư
- ☐ c. Cân bằng
- ☐ d. Thâm hụt

Question 9. Giả sử  $mpc=0,55$ ;  $mpt=0,2$ ;  $mpi=0,14$ ;  $mpm=0,08$ ;  $C_0=38$ ;  $T_0=20$ ;  $I_0=105$ ;  $G=140$ ;  $X=40$ ;  $IM_0=38$ ; Sản lượng tiềm năng  $Y^*=600$ . Để đạt được sản lượng tiềm năng, xuất khẩu phải tăng thêm:  
Select one:

- ☒ a. 50
- ☐ b.  $\Delta X$
- ☐ c. 26
- ☐ d. 20
- ☐ e.  $\Delta X$
- ☐ f.  $\Delta X$
- ☐ g.  $\Delta X$

☐ h. 52

**Question 10.** Giao điểm của hai hàm tiêu dùng và tiết kiệm cho biết:

- ☐ a. Tiết kiệm bằng thu nhập khả dụng
- ☐ b. Tiêu dùng bằng thu nhập khả dụng
- ☒ c. Tất cả các câu còn lại đều sai.
- ☐ d. Tiêu dùng bằng tiết kiệm

**Question 11.** Hàm số nhập khẩu phụ thuộc vào nhân tố sau:

- ☒ a. Sản lượng quốc gia và Tỷ giá hối đoái
- ☐ b. Tỷ giá hối đoái
- ☐ c. Lãi suất
- ☐ d. Sản lượng quốc gia

**Question 12.** Khuynh hướng tiêu dùng biên là

- ☒ a. Phần tiêu dùng giảm xuống hoặc tăng lên khi thu nhập khả dụng giảm bớt hoặc tăng thêm 1 đơn vị
- ☐ b. Phần tiêu dùng giảm xuống khi thu nhập khả dụng giảm bớt 1 đơn vị
- ☐ c. Phần tiêu dùng tăng thêm khi thu nhập khả dụng tăng thêm 1 đơn vị
- ☐ d. Phần thu nhập khả dụng tăng thêm khi sản lượng tăng thêm 1 đơn vị

**Question 13.** Khuynh hướng tiêu dùng biên là:

- ☐ a. Tất cả các câu đều đúng
- ☐ b. Phần tiêu dùng giảm khi tiết kiệm tăng một đơn vị
- ☐ c. Phần thu nhập khả dụng tăng thêm khi sản lượng tăng thêm một đơn vị
- ☒ d. Phần tiêu dùng tăng khi thu nhập khả dụng tăng một đơn vị

**Question 14.** Khuynh hướng tiết kiệm biên là:

- ☐ a. Phần tiết kiệm tối thiểu khi thu nhập khả dụng bằng 0
- ☒ b. Phần tiết kiệm tăng khi thu nhập khả dụng tăng một đơn vị
- ☐ c. Tất cả các câu đều đúng
- ☐ d. Phần tiết kiệm tăng khi tiêu dùng giảm một đơn vị

**Question 15.** Nếu có một sự giảm sút trong đầu tư của tư nhân là 10 tỷ,  $mpc=0,75$ , đầu tư không phụ thuộc sản lượng. Mức sản lượng sẽ :

- ☐ a. Giảm xuống 13,33 tỷ



- ☐ b. Tăng lên 40 tỷ
- ☐ c. Tăng lên 13,33 tỷ
- ☒ d. Giảm xuống 40 tỷ

Question 16. Nếu hàm tiết kiệm  $S = -25 + 0,4Y_d$  thì hàm tiêu dùng là:

- ☐ a.  $C = 25 + 0,4Y_d$
- ☐ b.  $C = -25 + 0,4Y_d$
- ☒ c.  $C = 25 + 0,6Y_d$
- ☐ d.  $C = 25 - 0,4Y_d$

Question 17. Nếu  $m$  là số nhân chi tiêu trong mô hình giản đơn,  $m''$  là số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở thì:

- ☐ a.  $m = m''$
- ☐ b.  $m < m''$
- ☐ c. Không đủ dữ liệu để kết luận
- ☒ d.  $m > m''$

Question 18. Nếu tiết kiệm biên  $mps=0,2$ ; đầu tư không phụ thuộc vào sản lượng. Khi đầu tư giảm bớt 5 tỷ. Mức sản lượng sẽ thay đổi :

Select one:

- ☐ a. Giảm xuống 10 tỷ
- ☐ b. Tăng thêm 10 tỷ
- ☐ c. Tăng thêm 25 tỷ
- ☒ d. Giảm xuống 25 tỷ

Question 19. Nếu tiêu dùng tự định là 350 tỷ, đầu tư tự định là 200 tỷ;  $mpc=0,8$ . Mức sản lượng cân bằng là:

- ☒ a. 2750 tỷ
- ☐ b. 850 tỷ
- ☐ c. 1000 tỷ
- ☐ d. 700 tỷ

Question 20. Nếu cán cân thương mại thặng dư, khi đó:

Select one:

☐ a. Giá trị hàng hóa nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu

☐ b. Giá trị hàng hóa nhập khẩu và xuất khẩu không đổi

☒ c. Giá trị hàng hóa xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu

☐ d. Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thay đổi bằng nhau

**Question 21.** Ngân sách thặng dư khi:

☐ a. Tổng thu ngân sách nhỏ hơn tổng chi ngân sách

☒ b. Tổng thu ngân sách lớn hơn tổng chi ngân sách

☐ c. Tổng thu ngân sách bằng hơn tổng chi ngân sách

☐ d. Phần thuế thu thêm lớn hơn phần chi ngân sách tăng thêm

**Question 22.** Nhân tố nào là nhân tố chính ảnh hưởng đến tiêu dùng của hộ gia đình:

Select one:

☐ a. Lãi suất

☐ b. Thu nhập dự toán

☐ c. Tất cả các câu còn lại đều đúng.

☒ d. Thu nhập khả dụng

**Question 23.** Nhân tố ổn định tự động của nền kinh tế là:

☐ a. Tỷ giá hối đoái

☐ b. Lãi suất và tỷ giá hối đoái

☒ c. Thuế thu nhập lũy tiến và trợ cấp thất nghiệp

☐ d. Tất cả các câu đều đúng.

**Question 24.** Nhập khẩu biên  $mpm = \Delta IM / \Delta Y$  phản ánh:

☒ a. Lượng nhập khẩu giảm hoặc tăng thêm khi thu nhập quốc gia giảm hoặc tăng thêm 1 đơn vị.

☐ b. Lượng nhập khẩu giảm xuống khi thu nhập quốc gia giảm 1 đơn vị

☐ c. Thu nhập quốc gia tăng thêm khi giá trị nhập khẩu tăng thêm khi 1 đơn vị

☐ d. Lượng nhập khẩu tăng thêm khi thu nhập quốc gia tăng thêm 1 đơn vị

**Question 25.** Phát biểu nào dưới đây không đúng:

☐ a.  $mpc$  không thể lớn hơn 1

☐ b.  $mpc + mps = 1$

- ☒ c.  $mpc$  và  $mps$  luôn trái dấu nhau.
- ☐ d. Khi  $Y_d=0$  thì tiêu dùng vẫn là số dương

Question 26. Sản lượng cân bằng đạt được khi:

- ☒ a. Sản lượng sản xuất ra đúng bằng tổng cầu
- ☐ b. Sản lượng sản xuất ra đúng bằng sản lượng tiềm năng
- ☐ c. Ngân sách cân bằng
- ☐ d. Tiêu dùng đúng bằng tiết kiệm

Question 27. Số nhân chi tiêu của Chính phủ về hàng hóa dịch vụ:

- ☐ a. 1 trừ số nhân đầu tư
- ☒ b. bằng với số nhân của đầu tư
- ☐ c. Nghịch đảo của số nhân đầu tư
- ☐ d. Bằng với số nhân chi chuyển nhượng

Question 28. Số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở là:

- ☐ a. Không câu nào đúng
- ☐ b.  $1/[1-mpc(1-t)]$
- ☐ c.  $1/mps$
- ☒ d.  $1/[1-mpc(1-t) -mpi+ mpm]$

Question 29. Số nhân của nền kinh tế giản đơn trong trường hợp đầu tư thay đổi theo sản lượng sẽ là:

- ☐ a.  $1/(1-mpc)$
- ☐ b.  $1/(1-mps)$
- ☒ c.  $1/(1-mpc-mpi)$
- ☐ d.  $1/(1-mpc-mps)$

Question 30. Số nhân của nền kinh tế đóng là:

- ☐ a.  $1/(1-mpc-mps)$
- ☐ b.  $1/(1-mpc)$
- ☒ c.  $1/(1-mpc*(1-mpt)-mpi)$ ; với  $mpt$  là thuế biên
- ☐ d.  $1/(1-mps)$

Question 31. Tổng cầu về hàng hóa dịch vụ của một quốc gia phụ thuộc vào các quyết định của:

- ☒ a. Tất cả các điều kể trên
- ☐ b. Các hộ gia đình
- ☐ c. Người nước ngoài
- ☐ d. Chính phủ

Question 32. Thu nhập khả dụng là phần thu nhập mà các hộ gia đình nhận được

- ☐ a. Tất cả các câu còn lại đều sai.
- ☐ b. Do cung ứng các yếu tố sản xuất
- ☒ c. Sau khi đã nộp các khoản thuế cá nhân, bảo hiểm XH và nhận thêm các khoản chi chuyển nhượng của Chính phủ
- ☐ d. Sau khi đã trừ đi phần tiết kiệm

Question 33. Tiêu dùng có mối quan hệ:

- ☐ a. Cùng chiều với thu nhập khả dụng và Cùng chiều với lãi suất
- ☐ b. Ngược chiều với thu nhập dự đoán
- ☐ c. Cùng chiều với lãi suất
- ☒ d. Cùng chiều với thu nhập khả dụng

Question 34. Xét nền kinh tế giản đơn có thu nhập là 800, chi tiêu không phụ thuộc thu nhập là 100, xu hướng tiết kiệm biên là 0,3; chi tiêu dùng của nền kinh tế này là:

- ☐ a. 560
- ☒ b. 660
- ☐ c. 590
- ☐ d. 490

### Chương 8+9: THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ + MÔ HÌNH IS-LM

Question 1. Mô tả nào dưới đây đúng nhất của hoạt động thị trường mở nhằm giảm mức cung tiền:

- ☐ a. Ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ làm giảm dự trữ của các ngân hàng thương mại, làm tăng khả năng cho vay và làm giảm mức cung tiền
- ☒ b. Ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ làm giảm dự trữ của các ngân hàng thương mại, làm giảm khả năng cho vay và làm giảm mức cung tiền
- ☐ c. Ngân hàng trung ương mua trái phiếu chính phủ làm giảm dự trữ của các ngân hàng thương mại, làm tăng khả năng cho vay và làm giảm mức cung tiền

☐ d. Ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ làm giảm dự trữ của các ngân hàng thương mại, làm tăng khả năng cho vay và làm tăng mức cung tiền

**Question 2.** Giá trị số nhân tiền tăng khi :

- ☐ a. Khi tỷ lệ dự trữ bắt buộc tăng
- ☒ b. Khi các ngân hàng cho vay nhiều hơn và dự trữ ít hơn
- ☐ c. Khi lãi suất chiết khấu giảm
- ☐ d. Khi các ngân hàng cho vay ít hơn và dự trữ nhiều lên

**Question 3.** Cân bằng thị trường tiền tệ xuất hiện khi

- ☒ a. Cung tiền bằng với cầu tiền
- ☐ b. Lãi suất không thay đổi
- ☐ c. GDP thực tế không thay đổi
- ☐ d. Tỷ giá hối đoái cố định

**Question 4.** Việc ngân hàng trung ương tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc sẽ dẫn tới: \_\_\_\_ |

- ☒ a. Dự trữ của các ngân hàng thương mại tăng và do đó lượng cho vay của các ngân hàng thương mại giảm
- ☐ b. Sự gia tăng các khoản tiền gửi vào và cho vay của các ngân hàng thương mại
- ☐ c. Không tác động đến hoạt động của các ngân hàng thương mại.
- ☐ d. Dự trữ của các ngân hàng thương mại tăng và các ngân hàng thương mại cho vay nhiều hơn

**Question 5.** Số nhân tiền tăng khi

- ☐ a. Các ngân hàng thương mại cho vay được nhiều hơn và dự trữ ít hơn
- ☐ b. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng giảm.
- ☒ c. Các đáp án còn lại đúng
- ☐ d. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc giảm

**Question 6.** Sự cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc do ngân hàng trung ương quy định sẽ:

- ☐ a. Dẫn tới mở rộng các khoản tiền gửi và cho vay
- ☒ b. Dẫn tới cho vay được nhiều hơn và dự trữ thực tế của ngân hàng thương mại giảm đi
- ☐ c. Dẫn tới cho vay được ít hơn và cung tiền giảm đi
- ☐ d. Không tác động đến hoạt động của các ngân hàng thương mại

**Question 7.** Chức năng của ngân hàng trung gian là:

- ☐ a. Kích thích người dân gửi tiền tiết kiệm nhiều hơn
- ☐ b. Huy động tiền gửi tiết kiệm của dân cư và cho vay

- ☒ c. Kinh doanh tiền tệ và đầu tư
- ☐ d. Kích thích người vay tiền vay nhiều hơn

**Question 8.** Lãi suất chiết khấu là mức lãi suất:

- ☒ a. Ngân hàng trung ương áp dụng đối với ngân hàng thương mại
- ☐ b. Ngân hàng trung ương áp dụng đối với người gửi tiền
- ☐ c. Ngân hàng trung ương áp dụng đối với công chúng.
- ☐ d. Ngân hàng trung ương áp dụng đối với người vay tiền

**Question 9.** Giả sử cầu về tiền ở một mức sản lượng  $MD=500-25R$ ;  $R$  là lãi suất. Lượng tiền cơ sở là 200, số nhân tiền tệ là 1,5. Vậy lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ là:

- ☐ a. 12,5%
- ☐ b. 9%
- ☐ c. 2,5%
- ☒ d. 8%

**Question 10.** Thị trường tiền tệ cho tỷ lệ dự trữ thực tế là 10%, tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng (so với tiền gửi) là 40%, lượng tiền cơ sở là 1000. Giả sử cầu về tiền không phụ thuộc vào thu nhập và có hàm cầu tiền thực tế là  $MD/P=2500-100i$ . Mức giá là 2. Sau đó, nếu tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng giảm 15%, để lượng cung tiền không thay đổi, lượng tiền cơ sở phải thay đổi một lượng là:

- ☐ a. Giảm 608
- ☐ b. Tăng 216
- ☐ c. Tăng 784
- ☒ d. Giảm 216

**Question 11.** Sự thay đổi của yếu tố nào dưới đây sẽ không làm thay đổi vị trí của đường IS

- ☐ a. Tiêu dùng tự định
- ☒ b. Lãi suất
- ☐ c. Chi tiêu của chính phủ
- ☐ d. Thuế

**Question 12.** Trong mô hình IS-LM, ảnh hưởng của chính sách tiền tệ thắt chặt sẽ làm giảm sản lượng đồng thời:

- ☐ a. Làm tăng lãi suất và tăng đầu tư
- ☐ b. Làm giảm lãi suất và tăng đầu tư
- ☐ c. Làm giảm lãi suất và giảm đầu tư
- ☒ d. Làm tăng lãi suất và giảm đầu tư

**Question 13.** Từ điểm cân bằng ban đầu, một sự dịch chuyển đường IS sang phải sẽ dẫn đến:

- ☐ a. Sản lượng giảm và lãi suất tăng
- ☐ b. Sản lượng và lãi suất giảm xuống
- ☐ c. Sản lượng tăng và lãi suất giảm
- ☒ d. Sản lượng tăng và lãi suất tăng

**Question 14.** Cho các hàm số :  $C=200+0,75Y_d$ ;  $I=100+0,2Y-10R$ ;  $G=580$ ;  $T=40+0,2Y$  ;  $X=350$ ;  $IM=200+0,05Y$  Phương trình đường tổng cầu là:

- ☐ a.  $AD=1060+0,6Y_d-10R$
- ☐ b.  $AD=1000+0,6Y-10R$
- ☐ c.  $AD=1100+0,64Y-10R$
- ☒ d.  $AD=1000+0,75Y-10R$

**Question 15.** Cho các hàm số :  $C=100+0,7Y_d$ ;  $I=500-20R$ ;  $G=200$ ;  $T=20$  ;  $X=100$ ;  $IM=0,1Y$   $M_d=1000+Y-100R$ ;  $M_s=2000$ . Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

- ☐ a.  $Y=1732,5$ ;  $R=4,65$
- ☐ b.  $Y=1643,3$ ;  $R=6,4$
- ☐ c.  $Y=1800$ ;  $R=3$
- ☒ d.  $Y=1810$ ;  $R=8,1$

**Question 1.** Chính sách tiền tệ là một công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì:

- ☐ a. Tiền tệ biểu hiện cho sự giàu có và quyết định mức mua của xã hội
- ☐ b. Tiền là một công cụ trao đổi, là phương tiện thanh toán, là thước đo giá trị, và là phương tiện dự trữ giá trị
- ☐ c. Mọi nền kinh tế ngày nay đều là nền kinh tế tiền tệ và tốc độ tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào tốc độ lưu thông tiền tệ
- ☒ d. Sự thay đổi cung tiền tệ và lãi suất có tác động đến mức giá, tỷ giá hối đoái, mức sản lượng và mức nhân dụng

**Question 2.** Điểm cân bằng trên thị trường tiền tệ thay đổi là do:

- ☐ a. Sản lượng quốc gia thay đổi
- ☐ b. Ngân hàng trung ương thay đổi lượng cung tiền cung ứng cho nền kinh tế
- ☒ c. Các câu còn lại đều đúng.
- ☐ d. Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng trung gian

**Question 3.** Khi ngân hàng trung ương tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc sẽ:

- ☐ a. Không tác động đến hoạt động của các ngân hàng thương mại

- ☐ b. Dẫn tới việc gia tăng các khoản tiền gửi và cho vay của ngân hàng thương mại
- ☒ c. Dẫn tới việc ngân hàng thương mại cho vay ít hơn và dự trữ tiền mặt nhiều hơn
- ☐ d. Dẫn tới việc ngân hàng thương mại cho vay ít hơn và dự trữ tiền mặt giảm xuống

**Question 5.** Khi cung tiền tệ tăng, nếu các yếu tố khác không đổi, sẽ làm:

- ☒ a. Lãi suất giảm, do đó đầu tư tăng
- ☐ b. Lãi suất tăng, do đó đầu tư tăng
- ☐ c. Lãi suất giảm, do đó đầu tư giảm
- ☐ d. Lãi suất tăng, do đó đầu tư giảm

**Question 7.** Khi sản lượng giảm xuống trong điều kiện lượng cung tiền cung ứng không đổi, lúc đó:

- ☐ a. Lãi suất cân bằng không đổi.
- ☐ b. Lãi suất cân bằng tăng lên
- ☐ c. Mức cầu về tiền tăng lên
- ☒ d. Lãi suất cân bằng giảm xuống

**Question 8.** Nhân tố nào sau đây không ảnh hưởng xác định đến vị trí của đường cung tiền thực tế  
Select one:

- ☐ a. Quyết định cho vay của các ngân hàng thương mại
- ☐ b. Quyết định chính sách của ngân hàng trung ương
- ☒ c. Lãi suất
- ☐ d. Mức giá

**Question 9.** Khi tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10% và ngân hàng trung ương mua trái phiếu trị giá 100000 triệu đồng, thì mức cung tiền:

- ☐ a. Không thay đổi
- ☐ b. Tăng lên bằng tích của 100000 triệu đồng với số nhân tiền
- ☒ c. Tăng 1000000 triệu đồng
- ☐ d. Tăng 100000 triệu đồng

**Question 10.** Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ của nền kinh tế có các đại lượng và các hàm số sau:  $C=400+0,75Y$ ;  $I=300-50R$ ;  $G=300$ . Cầu và cung tiền thực tế  $MD=500+2Y-100R$ ;  $MS=1250$ ; Mức lãi suất và sản lượng cân bằng là:

- ☐ a.  $R=7\%$ ;  $Y=2600$
- ☒ b.  $R=12\%$ ;  $Y=1600$
- ☐ c.  $R=16\%$ ;  $Y=1800$
- ☐ d.  $R=20\%$ ;  $Y=2000$



**Question 11.** Khi công chúng quyết định chuyển một phần thanh toán bằng tiền mặt sang sử dụng séc cá nhân sẽ có sự:

- ☐ a. Dịch chuyển đường LM sang trái
- ☐ b. Di chuyển trên đường LM
- ☐ c. Di chuyển cả đường IS và LM
- ☒ d. Dịch chuyển đường LM sang phải

**Question 12.** Trong mô hình IS-LM, nếu chi tiêu của chính phủ và thuế tăng cùng một lượng như nhau thì:

- ☐ a. Thu nhập cùng tăng một lượng tương ứng
- ☐ b. Thu nhập sẽ chỉ tăng nếu ngân hàng trung ương cũng tăng cung tiền
- ☐ c. Thu nhập sẽ giữ nguyên vì đường IS không thay đổi
- ☒ d. Cả thu nhập và lãi suất cùng tăng

**Question 13.** Đường thể hiện sự phối hợp sản lượng thực tế và lãi suất mà tại đó tổng chi tiêu dự kiến bằng sản lượng thực tế được gọi là:

- ☐ a. Đường LM
- ☐ b. Đường cầu về đầu tư
- ☒ c. Đường IS
- ☐ d. Đường tổng cầu

**Question 14.** Cho các hàm số về thị trường tiền tệ :  $M_d=1000+2Y-200R$ ;  $M_s=4000$ . Phương trình của đường LM có dạng:

Select one:

- ☐ a.  $Y=1200+80R$
- ☐ b.  $Y=1500+50R$
- ☐ c.  $Y=1600+50R$
- ☒ d.  $Y=1500+100R$

**Question 15.** Cho các hàm số :  $C=50+0,7Y_d$ ;  $I=500-20R$ ;  $G=200$ ;  $T=100$  ;  $X=100$ ;  $IM=100+0,1Y$   
 $M_d=1000+2,5Y-200R$ ;  $M_s=2000$ . Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

- ☐ a.  $Y=1800$ ;  $R=3$
- ☐ b.  $Y=2133,33$ ;  $R=9,17$
- ☐ c.  $Y=3600$ ;  $R=3$
- ☒ d.  $Y=1200$ ;  $R=10$

**Question 1.** Nếu ngân hàng trung ương giảm mức cung tiền và chính phủ muốn duy trì tổng cầu ở mức ban đầu, chính phủ cần:

Select one:

- ☒ a. Giảm thuế
- ☐ b. Giảm chi tiêu của chính phủ
- ☐ c. Yêu cầu ngân hàng trung ương bán trái phiếu trên thị trường mở
- ☐ d. Tăng thuế

**Question 2.** Trong công thức số nhân tiền  $m=(s+1)/(s+r)$ , s là:

- ☐ a. Tỷ lệ tiền mặt trong hệ thống ngân hàng
- ☐ b. Không câu nào đúng.
- ☐ c. Tỷ lệ tiền mặt so với tổng số tiền công chúng có
- ☒ d. Tỷ lệ tiền mặt so với tiền ký gửi

**Question 3.** Chức năng nào dưới đây không phải là chức năng của ngân hàng trung ương

- ☐ a. Điều chỉnh lượng cung tiền
- ☒ b. Hoạt động để thu lợi nhuận
- ☐ c. Điều chỉnh lãi suất thị trường
- ☐ d. Đóng vai trò là người cho vay cuối cùng đối với các ngân hàng thương mại

**Question 4.** Chính phủ có thể giảm bớt lượng cung ứng tiền trong nền kinh tế bằng cách:

- ☐ a. Bán chứng khoán của Chính phủ trên thị trường chứng khoán
- ☐ b. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc
- ☐ c. Tăng lãi suất chiết khấu
- ☒ d. Các câu còn lại đều đúng.

**Question 5.** Dưới đây là các biện pháp tài trợ cho tăng chi tiêu chính phủ, biện pháp nào sẽ làm tăng cung tiền:

- ☒ a. Chính phủ bán trái phiếu cho ngân hàng trung ương
- ☐ b. Chính phủ bán trái phiếu cho công chúng
- ☐ c. Chính phủ tăng thuế
- ☐ d. Chính phủ bán trái phiếu cho các ngân hàng thương mại

**Question 7.** Nếu GDP thực tế tăng lên, đường cầu tiền thực tế sẽ dịch chuyển sang

- ☐ a. Trái và lãi suất sẽ giảm đi
- ☒ b. Phải và lãi suất sẽ tăng lên
- ☐ c. Phải và lãi suất không thay đổi
- ☐ d. Trái và lãi suất sẽ tăng lên

**Question 9.** Giả sử tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10%, dự trữ tùy ý là 10%, tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền gửi ở ngân hàng là 60%. Số nhân tiền tệ trong trường hợp này là:

Select one:

- ☐ a. 3
- ☐ b. 5
- ☐ c. 4
- ☒ d. 2

**Question 10.** Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ của nền kinh tế có các đại lượng và các hàm số sau:  $C=500+0,8Y$ ;  $I=200-40R$ ;  $G=300$ . Cầu tiền thực tế  $MD=3000-100R$ ; Tỷ lệ dự trữ thực tế là 20%, tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng (so với tiền gửi) là 60%, lượng tiền cơ sở là 1000. Mức lãi suất và sản lượng cân bằng là:

Select one:

- ☐ a.  $R=20\%$ ;  $Y=5000$
- ☒ b.  $R=10\%$ ;  $Y=3000$
- ☐ c.  $R=16\%$ ;  $Y=8000$
- ☐ d.  $R=20\%$ ;  $Y=2000$

**Question 11.** Tại các điểm nằm phía trên và bên phải của đường IS, điều nào dưới đây là đúng

Select one:

- ☐ a. Tổng cầu lớn hơn sản lượng thực tế, do đó có sự dư cung về hàng hoá
- ☐ b. Tổng cầu lớn hơn sản lượng thực tế do đó có sự dư cầu về hàng hoá
- ☐ c. Sản lượng thực tế lớn hơn tổng cầu, do đó có sự dư cầu về hàng hoá
- ☒ d. Sản lượng thực tế lớn hơn tổng cầu, do đó có sự dư cung về hàng hoá

**Question 12.** Đường IS cho biết:

Select one:

- ☒ a. Mọi điểm thuộc đường IS được xác định trong điều kiện thị trường sản phẩm cân bằng
- ☐ b. Lãi suất được xác định trong điều kiện thị trường tiền tệ cân bằng
- ☐ c. Các câu đều đúng
- ☐ d. Sản lượng càng tăng ảnh hưởng đến lãi suất càng giảm

**Question 13.** Trong mô hình IS-LM, nếu sản lượng cao hơn sản lượng tiềm năng thì chính phủ nên áp dụng:

- ☐ a. Chính sách tài khóa thu hẹp; tiền tệ mở rộng
- ☐ b. Chính sách tài khóa mở rộng; tiền tệ mở rộng
- ☐ c. Chính sách tài khóa mở rộng; tiền thắt chặt
- ☒ d. Chính sách tài khóa thu hẹp; tiền tệ thắt chặt

**Question 14.** Cho các hàm số :  $C=200+0,8Y_d$ ;  $I=240+0,16Y-80R$ ;  $G=500$ ;  $T=50+0,2Y$  ;  $X=210$ ;  $IM=50+0,2Y$ . Phương trình đường tổng cầu là:

Select one:

- ☐ a.  $AD=1100+0,6Y_d-80R$
- ☐ b.  $AD=1100+0,64Y-80R$
- ☒ c.  $AD=1060+0,6Y-80R$
- ☐ d.  $AD=1000+0,6Y-80R$

**Question 1.** Khoản nào dưới đây xuất hiện như là một tài sản nợ trong bảng tổng kết tài sản của ngân hàng thương mại

Select one:

- ☐ a. Chứng khoán
- ☐ b. Cho khách hàng vay
- ☒ c. Ký gửi của khách hàng
- ☐ d. Dự trữ tiền mặt

**Question 2.** Nếu chứng khoán ở mức giá cân bằng, lúc đó:

- ☐ a. Mức cầu về tiền cho đầu cơ tăng lên
- ☐ b. Lãi suất có xu hướng giảm xuống
- ☐ c. Mức cầu về tiền cho đầu cơ giảm xuống
- ☒ d. Lãi suất có xu hướng tăng lên

**Question 3.** Nếu lãi suất tăng lên sẽ dẫn đến giá chứng khoán trên thị trường:

- ☐ a. Không thay đổi
- ☐ b. Không đủ thông tin để kết luận
- ☒ c. Giảm xuống
- ☐ d. Tăng lên

**Question 5.** Các công cụ chính làm thay đổi lượng cung tiền của NHTW là:

- ☒ a. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc, lãi suất chiết khấu, hoạt động thị trường mở (mua bán chứng khoán)
- ☐ b. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hạn chế việc chi tiêu của Chính phủ, lãi suất chiết khấu, hoạt động thị trường mở (mua bán chứng khoán): đều đúng
- ☐ c. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hạn chế việc chi tiêu của chính phủ, lãi suất chiết khấu
- ☐ d. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hạn chế việc chi tiêu của Chính phủ, lãi suất chiết khấu, hoạt động thị trường mở (mua bán chứng khoán): đều sai

**Question 8.** Số nhân tiền có mối quan hệ:

- ☐ a. Tỷ lệ thuận với tỷ lệ dự trữ bắt buộc

☐ b. Tỷ lệ nghịch với lãi suất

☒ c. Tỷ lệ nghịch với tỷ lệ dự trữ bắt buộc

☐ d. Tỷ lệ thuận với cơ số tiền

**Question 9.** Giả sử cầu về tiền ở một mức sản lượng  $MD=1000-20R$ ;  $R$  là lãi suất. Lượng tiền cơ sở là 300, số nhân tiền tệ là 2,5. Vậy lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ là:

☐ a. 3%

☐ b. 2,5%

☐ c. 12%

☒ d. 12,5%

**Question 10.** Thị trường tiền tệ cho tỷ lệ dự trữ thực tế là 10%, tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng (so với tiền gửi) là 80%, lượng tiền cơ sở là 750. Giả sử cầu về tiền không phụ thuộc vào thu nhập và có hàm cầu tiền thực tế là  $MD=2500-80R$ . Thị trường hàng hóa có  $C=300+0,8Y$ ;  $I=200-40R$ ;  $G=500$ . Sản lượng và lãi suất cân bằng là:

Select one:

☒ a.  $Y=2500$ ;  $R=12,5\%$

☐ b.  $Y=2100$ ;  $R=14,5\%$

☐ c.  $Y=3000$ ;  $R=10\%$

☐ d.  $Y=2800$ ;  $R=11\%$

**Question 11.** Tác động lấn át đầu tư của Chính sách tài khóa (mô hình IS-LM) nghĩa là:

☐ a. Tăng chi tiêu của chính phủ làm giảm lãi suất, dẫn đến tăng đầu tư

☒ b. Tăng chi tiêu của chính phủ làm tăng lãi suất, dẫn đến giảm đầu tư

☐ c. Giảm chi tiêu của chính phủ làm tăng lãi suất, dẫn đến giảm đầu tư

☐ d. Giảm chi tiêu của chính phủ làm giảm lãi suất, dẫn đến tăng đầu tư

**Question 13.** Một sự gia tăng của nhập khẩu tự định sẽ gây ra

☐ a. Dịch chuyển đường LM sang trái

☐ b. Dịch chuyển đường LM sang phải

☒ c. Dịch chuyển đường IS sang trái

☐ d. Dịch chuyển đường IS sang phải

**Question 14.** Cho các hàm số :  $C=200+0,75Y_d$ ;  $I=500-20R$ ;  $G=600$ ; Phương trình của đường IS có dạng:

☐ a.  $Y=1300+20R$

☐ b.  $Y=1300-20R$

☒ c.  $Y=5200-80R$

☐ d.  $Y=5200+80R$

**Question 15.** Cho các hàm số :  $C=500+0,75Y_d$ ;  $I=500-20R$ ;  $G=450$ ;  $T=0,2Y$  ;  $X=200$ ;  $IM=100+0,1Y$   
 $M_d=1000+2Y-200R$ ;  $M_s=4500$  Lãi suất và sản lượng cân bằng chung mới sẽ là bao nhiêu khi Chính phủ giảm chi tiêu 100 và giảm lượng cung ứng tiền thực 100 ?

☐ a.  $Y=2842,857$ ;  $R=11,428$

☒ b.  $Y=2557,143$ ;  $R=8,5714$

☐ c.  $Y=2714,286$ ;  $R=9,643$

☐ d.  $Y=2533,333$ ;  $R=14,167$

**Question 14.** Cho các hàm số :  $C=500+0,75Y_d$ ;  $I=500-20R$ ;  $G=200$ ;  $T=0,2Y$  ;  $X=100$ ;  $IM=100+0,1Y$ ;  
 $M_d=1000+2,5Y-200R$ ;  $M_s=4500$ . Phương trình đường IS là:

☐ a.  $Y = 3400 - 20R$

☐ b.  $Y = 3400 - 40R$

☐ c.  $Y = 2400 - 20R$

☒ d.  $Y = 2400 - 40R$

**Question 15.** Cho các hàm số :  $C=550+0,75Y_d$ ;  $I=500-20R$ ;  $G=200$ ;  $T=0,2Y$  ;  $X=100$ ;  $IM=100+0,1Y$   
 $M_d=1000+2,5Y-200R$ ;  $M_s=4500$  Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

☐ a.  $Y=2066,667$ ;  $R=8,333$

☐ b.  $Y=1800$ ;  $R=3$

☐ c.  $Y=3600$ ;  $R=3$

☒ d.  $Y=2133,333$ ;  $R=9,167$

**Question 3.** Để giảm lạm phát, ngân hàng trung ương sẽ:

☐ a. Các đáp án đều đúng.

☐ b. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc

☒ c. Bán chứng khoán của Chính phủ

☐ d. Tăng lãi suất chiết khấu

**Question 12.** Đường LM mô tả tình trạng:

☐ a. Lãi suất và sản lượng phụ thuộc nhau; và Thị trường tiền tệ luôn cân bằng: đều sai

☐ b. Lãi suất và sản lượng phụ thuộc nhau

☒ c. Thị trường tiền tệ luôn cân bằng

☐ d. Lãi suất và sản lượng phụ thuộc nhau; và Thị trường tiền tệ luôn cân bằng: đều đúng

**Question 12.** Giả sử nền kinh tế có số nhân là 4, nếu đầu tư tăng là 8 tỷ, đường IS sẽ dịch chuyển sang phải với khoảng cách là:

- ☐ a. Lớn hơn 32 tỷ
- ☒ b. 32 tỷ
- ☐ c. Nhỏ hơn 32 tỷ
- ☐ d. Các câu đều sai

**Question 1.** Số nhân tiền tệ được định nghĩa là:

- ☐ a. Hệ số phản ánh sự thay đổi trong sản lượng khi thay đổi một đơn vị tiền cơ sở.
- ☐ b. Hệ số phản ánh sự thay đổi trong sản lượng khi thay đổi một đơn vị trong tổng cầu.
- ☒ c. Hệ số phản ánh lượng thay đổi trong mức cung tiền khi thay đổi một đơn vị tiền cơ sở.
- ☐ d. Hệ số phản ánh sự thay đổi trong lượng cầu tiền khi thay đổi một đơn vị tiền cơ sở.

**Question 1.** Số nhân tiền phản ánh:

- ☐ a. Lượng tiền giao dịch phát sinh từ 1 đơn vị tiền ký gửi
- ☒ b. Lượng tiền giao dịch phát sinh từ 1 đơn vị tiền cơ sở
- ☐ c. Lượng tiền giao dịch phát sinh từ 1 đơn vị tiền cơ sở; Lượng tiền giao dịch phát sinh từ 1 đơn vị tiền ký gửi: đều sai
- ☐ d. Lượng tiền giao dịch phát sinh từ 1 đơn vị tiền cơ sở; Lượng tiền giao dịch phát sinh từ 1 đơn vị tiền ký gửi: đều đúng

**Question 4.** Tác động ban đầu của Chính sách tài khóa mở rộng là làm sản lượng thực tăng, sau đó cầu tiền tệ sẽ:

- ☐ a. Giảm và lãi suất tăng
- ☐ b. Tăng và lãi suất giảm
- ☐ c. Chưa kết luận được
- ☒ d. Tăng và lãi suất tăng

**Question 5.** Tiền là:

- ☐ a. Những đồng tiền giấy trong tay công chúng, các khoản tiền gửi có thể viết séc tại các ngân hàng thương mại.
- ☐ b. Các khoản tiền gửi có thể viết Séc

☐ c. Những đồng tiền giấy trong tay công chúng

☒ d. Một phương tiện được thừa nhận chung để thực hiện các thanh toán và trao đổi

**Question 10.** Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ của nền kinh tế có các đại lượng và các hàm số sau:  $C=400+0,75Y$ ;  $I=300-50R$ ;  $G=300$ . Cầu và cung tiền thực tế  $MD=500+2Y-100R$ ;  $MS=1250$ ; Sau đó, Chính phủ tăng chi tiêu là 100, làm thay đổi lãi suất và đầu tư tư nhân:

Select one:

☐ a. Lãi suất tăng 2%; đầu tư giảm 100

☒ b. Lãi suất tăng 1%; đầu tư giảm 50

☐ c. Lãi suất giảm 1%; đầu tư tăng 50

☐ d. Lãi suất giảm 2%; đầu tư tăng 100

**Question 13.** Trong mô hình IS-LM, nếu sản lượng thấp hơn sản lượng tiềm năng thì chính phủ nên áp dụng:

☒ a. Các câu đều đúng

☐ b. Chính sách tài khóa mở rộng

☐ c. Chính sách tài khóa mở rộng; và tiền tệ mở rộng

☐ d. Chính sách tiền tệ mở rộng

**Question 14** Cho các hàm số :  $C=500+0,75Y_d$ ;  $I=500-20R$ ;  $G=200$ ;  $T=0,2Y$  ;  $X=100$ ;  $IM=100+0,1Y$ ;  $M_d=1000+2,5Y-200R$ ;  $M_s=4500$  Phương trình đường LM là:

☒ a.  $Y = 2400 + 40R$

☐ b.  $Y = 1400 + 40R$

☐ c.  $Y = 1400 + 20R$

☐ d.  $Y = 1400 + 80R$